

Số: /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Thông báo số 733/TB-HĐND ngày 06/11/2024 của HĐND tỉnh về dự kiến thời gian, nội dung tổ chức Kỳ họp thứ Chín, HĐND tỉnh khóa X; thực hiện Quy chế làm việc của UBND tỉnh, Chương trình công tác của UBND tỉnh, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương; UBND tỉnh báo cáo Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025, cụ thể như sau:

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH NĂM 2024

Triển khai Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, UBND tỉnh đã sớm giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, ban hành Chương trình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ, Kịch bản tăng trưởng kinh tế, Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024¹,... để tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2024 của tỉnh.

Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố (các địa phương) đã bám sát nội dung chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về triển khai nhiệm vụ năm 2024, tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu ngay từ đầu năm, phân đấu hoàn thành mức cao nhất chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của tỉnh đề ra. Kết quả thực hiện trên các ngành, lĩnh vực cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Các chỉ tiêu kinh tế

(1) Giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP)

a) **GRDP- theo giá so sánh 2010: ước đạt 63.249 tỷ đồng, tăng 4,38%** so với năm 2023, bằng 98,15% KH năm 2024 (KH: 64.440 - 64.920 tỷ đồng, tăng 6,0-6,8%)². Trong đó:

- **Nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 23.451 tỷ đồng, tăng 4,52%** so với cùng kỳ, bằng 100,65% KH năm 2024 (KH: 23.300 - 23.500 tỷ đồng, tăng 4,03-4,92%).

¹ Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 về giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2024; Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 ban hành Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2024; Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 ban hành Chương trình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ.

² Tổng cục Thống kê ước tính năm 2024 (lần 1) tại Công văn số 1332/TCTK-TKQG ngày 08/7/2024.

- Công nghiệp - xây dựng ước đạt 10.322 tỷ đồng, tăng 7,19% so với cùng kỳ, bằng 97,15% KH năm 2024 (KH: 10.625 - 10.750 tỷ đồng, tăng 9,84-11,14%). Riêng công nghiệp ước đạt 6.647 tỷ đồng, tăng 8,62% so với cùng kỳ, bằng 97,4% KH năm 2024 (KH: 6.825 - 6.850 tỷ đồng, tăng 12,23 - 12,64%).

- Dịch vụ ước đạt 27.086 tỷ đồng, tăng 3,93% so với cùng kỳ, bằng 97,08% KH năm 2024 (KH: 27.900 - 28.050 tỷ đồng, tăng 6,66 - 7,24%).

- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước đạt 2.390 tỷ đồng, giảm 3,06% so với cùng kỳ, bằng 91,4% KH năm 2024 (KH: 2.615 - 2.620 tỷ đồng, tăng 2,0 - 2,19%).

b) GRDP - theo giá hiện hành: ước đạt 145.366 tỷ đồng, tăng 19,53% so với năm 2023, bằng 108,74% KH năm 2024 (KH: 133.680 - 134.663 tỷ đồng, tăng từ 9,92 - 10,73%)

* Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, thủy sản chiếm 41,95%; công nghiệp - xây dựng chiếm 16,48%; dịch vụ chiếm 37,82%; thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) chiếm 3,75% (KH lần lượt là: 37,06% - 17,36% - 41,55% - 4,03%).

(2) GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) ước đạt 74,7 triệu đồng/người (KH: 68,8 triệu đồng/người).

(3) Huy động vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 36.990 tỷ đồng, tăng 4,02% so với năm 2023, bằng 95,83% KH năm 2024 (KH: 38.600 tỷ đồng, tăng 7,99%).

(4) Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 1.650 triệu USD, tăng 10,3% so với năm 2023, bằng 103,1% KH năm 2024 (KH: 1.600 triệu USD).

(5) Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ ước đạt 105.000 tỷ đồng, tăng 4,96% so với năm 2023, bằng 105,2% KH năm 2024 (KH: 99.800 tỷ đồng).

(6) Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 8.500 tỷ đồng, tăng 7,68% so với năm 2023, bằng 100% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 121,43% dự toán Trung ương (KH năm 2024: HĐND tỉnh giao 8.500 tỷ đồng; dự toán TW giao 7.000 tỷ đồng).

(7) Phát triển hạ tầng: Thủy lợi bảo đảm tưới chủ động cho trên 84,45% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới (KH: 84,45%). Cải tạo, nâng cấp nhựa hoặc bê tông hóa ước đạt 97,17% các tuyến đường tỉnh, 96,97% các tuyến đường huyện, 79,98% các tuyến đường xã và liên xã (KH lần lượt là: 97,17% - 96,92% - 71,96%).

* Riêng chỉ tiêu Tỷ lệ đô thị hóa sẽ được đánh giá, báo cáo vào cuối năm 2025, vì chỉ tiêu này đánh giá kết quả thực hiện cả giai đoạn 5 năm 2021-2025 (theo báo cáo số 250/BC-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh).

(8) Phát triển doanh nghiệp (DN): Ước có 1.430 DN thành lập mới, tăng 2,9% so với năm 2023, bằng 77,3% KH năm 2024 (KH: 1.850 DN). Lũy kế đến cuối năm 2024, trên địa bàn tỉnh có khoảng 13.200 doanh nghiệp còn đăng ký, hoạt động (trong đó: Có 12.230 DN và 970 chi nhánh của DN ngoài tỉnh đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh); có 75 HTX thành lập mới, đạt 125% KH (KH: 60 HTX).

2. Các chỉ tiêu xã hội

(9) Tỷ lệ hộ nghèo giảm 2,5% (KH: giảm từ 1,5-2,0%), tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 3,5% (KH: giảm từ 3 - 4%). Giảm tỷ lệ thất nghiệp

ở khu vực thành thị còn 2,4% (KH: giảm 2,4%).

(10) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế chiếm khoảng 57% (KH: 57%); tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động ước đạt 64% (KH: 64%), trong đó tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ ước đạt 22,25% (KH: 22,25%). Giải quyết việc làm cho khoảng 30.350 lao động, bằng 100,5% KH (KH: 30.200 người), trong đó xuất khẩu lao động khoảng 1.700 người (KH: 1.700 người).

(11) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia ước đạt 62%, tăng 1,08% so với năm 2023 (KH: 62%).

(12) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi) giảm còn 17,6% (KH: 17,6%). Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã) ước đạt 29 giường/1 vạn dân (KH: 29 giường/1 vạn dân). Số bác sỹ trên một vạn dân ước đạt 7,7 bác sỹ/1 vạn dân (KH: 7,7 bác sỹ/1 vạn dân). Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm Y tế ước đạt 93,5% (KH: 93,5%).

(13) Đến cuối năm 2024, lũy kế có 81/149 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tương ứng tỷ lệ 54,36%) và 01 đơn vị cấp huyện hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới (KH: lũy kế có 85/151 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tương ứng tỷ lệ 56,29%) và 01 đơn vị cấp huyện hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới).

Ghi chú: Hiện nay, toàn tỉnh có 149 xã thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm 02 xã (gồm: xã Ea Blang, thị xã Buôn Hồ; xã Hòa Tân, huyện Krông Bông) so với Nghị quyết của tỉnh đề ra do thực hiện sáp nhập theo Nghị quyết số 1193/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024 của UBTVQH về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2023-2025, sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Đắk Lắk có 149 xã.

3. Các chỉ tiêu môi trường

(14) Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường ước đạt 30% (KH: 30%). Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý ước đạt 91,8% (KH: 91,8%). Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch ước đạt 92% (KH: 92%). Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 97,15% (KH: 97%). Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su) ước đạt 38,1% (KH: 39,24%).

4. Chỉ tiêu cải cách hành chính

(15) Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) dự kiến tăng 5 bậc so với năm 2023 (KH: tăng 5-7 bậc so với năm 2023). Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến 1 phần và toàn trình trên tổng số hồ sơ ước đạt 100% (KH: 85%); Tỷ lệ trả kết quả theo hình thức trực tuyến (Số lượng kết quả được trả trực tuyến trên môi trường mạng/Số lượng kết quả giải quyết thủ tục hành chính) ước đạt 15% (KH: 15%).

5. Chỉ tiêu Quốc phòng, an ninh

(16) Quốc phòng, an ninh: Tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch; điều tra, khám phá 734/812 vụ phạm tội về trật tự xã hội, đạt tỷ lệ 90,39%, cao hơn kế hoạch 5,39% (KH: 85%), trong đó án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng điều tra, làm rõ 119/124 vụ, đạt tỷ lệ 95,97%, cao hơn kế hoạch 5,97% (KH: 90%). Cơ bản đảm

bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn, tai nạn giao thông giảm trên cả 3 tiêu chí so với năm trước.

Như vậy, trong 16 chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết đề ra:

- **Có 03 chỉ tiêu nổi bật, vượt kế hoạch, gồm:** (1) GRDP bình quân đầu người; (2) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, (3) Kim ngạch xuất khẩu.

- **Có 08 chỉ tiêu đạt kế hoạch, gồm:** (1) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, (2) Phát triển cơ sở hạ tầng, (3) Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo, (4) Lao động, việc làm, (5) Y tế, (6) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia, (7) Cải cách hành chính, (8) Quốc phòng, an ninh.

- **Có 01 chỉ tiêu cơ bản đạt kế hoạch, nhưng trong đó có chỉ số thành phần đạt thấp đó là:** Chỉ tiêu số 14 (về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu) có nội dung: Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su) thấp hơn kế hoạch đề ra (đến cuối năm 2024 đạt 38,1% (KH: 39,24%).

- **Có 04 chỉ tiêu không đạt kế hoạch, gồm:** (1) Giá trị tổng sản phẩm (GRDP) theo giá so sánh, (2) Huy động vốn đầu tư toàn xã hội, (3) Phát triển doanh nghiệp, (4) Xây dựng nông thôn mới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN TỪNG NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Về tình hình triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án, Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, của tỉnh

1.1. Tình hình thực hiện lập Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tỉnh (Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023) và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh (Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 18/10/2024). Đây là cơ sở quan trọng để tỉnh định hướng phát triển, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế và thúc đẩy thu hút đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai việc cung cấp hồ sơ Quy hoạch tỉnh đến các đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện.

1.2. Về tình hình triển khai Kết luận số 67-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 103/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 72/2022/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột: Tỉnh ủy đã có báo cáo sơ kết 05 năm tình hình thực hiện Kết luận số 67-KL/TW ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thành phố Buôn Ma Thuột đến năm 2030, định hướng đến năm 2045. UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ, đề án, chính sách được đề ra trong Kết luận số 67-KL/TW, Nghị quyết số 103/NQ-CP và các văn bản của tỉnh. Các chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 72/2022/QH15 của Quốc hội đã và đang được các cấp, các ngành có liên quan, Thành phố Buôn Ma Thuột khẩn trương triển khai thực hiện, cơ bản đúng tiến độ thực hiện.

1.3. Về triển khai Đề án phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên (Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ): UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 về Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển kinh tế xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên theo Quyết định số 104/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; thành lập Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban

chỉ đạo triển khai Đề án 104. Theo đó, các cơ quan, đơn vị đang triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, phấn đấu đạt các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra.

1.4. Về tình hình triển khai các Chương trình MTQG: Đến nay, tỉnh Đắk Lắk đã hoàn thành việc xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành đầy đủ 17/17 nội dung quy định tại Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Tổng vốn đầu tư phát triển thực hiện các chương trình MTQG năm 2024 là 1.555 tỷ đồng, trong đó: Kế hoạch vốn năm 2022 và 2023 kéo dài sang 2024 là 382 tỷ đồng; kế hoạch giao năm 2024 là 1.173 tỷ đồng.

Đến ngày 30/10/2024, các chủ đầu tư đã triển khai thực hiện và giải ngân được 800/1.555 tỷ đồng, đạt 51,48% (Kế hoạch vốn năm 2022 và 2023 được Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang 2024 đã giải ngân 254/382 tỷ đồng, đạt 66,6%; Kế hoạch giao năm 2024 giải ngân 545/1.173 tỷ đồng, đạt 46,5%). Cụ thể từng Chương trình như sau:

- Chương trình xây dựng nông thôn mới đã giải ngân 220/365 tỷ đồng, đạt 60,3%.
- Chương trình giảm nghèo bền vững đã giải ngân 133/260 tỷ đồng, đạt 51,06%.
- Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã giải ngân 446/929 tỷ đồng, đạt 48,1%.

Dự kiến giải ngân các chương trình MTQG đảm bảo tiến độ theo quy định, phấn đấu đạt 100% kế hoạch vốn năm 2022 và năm 2023 kéo dài sang năm 2024 và đạt trên 90% đối với kế hoạch vốn năm 2024.

1.4. Về tình hình triển khai Dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột: Triển khai Đợt thi đua cao điểm “500 ngày đêm thi đua hoàn thành 3.000 km đường bộ cao tốc”, các đơn vị đang tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc, hỗ trợ chủ đầu tư, đôn đốc các nhà thầu đang tập trung thi công các hạng mục công trình thuộc Dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột để đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Lễ phát động ngày 18/8/2024 tại tỉnh Đắk Lắk.

- *Dự án thành phần 3:* Đến nay, đối với tuyến chính, tỉnh đã bàn giao thực hiện bồi thường được 100% chiều dài toàn tuyến (48,09km). Đối với tổng diện tích thực hiện Dự án, thực hiện bồi thường được 331,98ha/332,98ha, đạt 99,7% (0,3% còn lại là 01 ha thuộc tuyến kênh mương thoát nước ngoài phạm vi tuyến chính đang triển khai GPMB do mới bổ sung vào quy hoạch sử dụng đất của huyện Cư Kuin). Song song đó, các nhà thầu đang tập trung thi công các hạng mục công trình.

Lũy kế kế hoạch vốn đã giao là 2.272,426 tỷ đồng, gồm: Đã giao kế hoạch vốn năm 2023 cho dự án với 1.372,426 tỷ đồng (Ngân sách tỉnh: 673,103 tỷ đồng để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; ngân sách Trung ương từ nguồn vốn Chương trình phục hồi kinh tế 699,323 tỷ đồng), đã giải ngân 1.367,899 tỷ đồng, đạt 99,7% kế hoạch (Riêng nguồn vốn Chương trình phục hồi kinh tế 699,323 tỷ đồng, đã giải ngân 699,323/699,323 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch); kế hoạch năm 2024 đã giao kế hoạch vốn 900 tỷ đồng từ nguồn ngân sách Trung ương (bao gồm 300 tỷ đồng được bổ sung từ nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách Trung ương). Đến ngày 11/11/2024, đã giải ngân đạt 872,515/900 tỷ đồng, đạt 96,9% kế hoạch.

- *Dự án thành phần 2:* Tỉnh Đắk Lắk đã bố trí đủ vốn đối ngân sách địa

phương để thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng, hiện nay các đơn vị đang tiếp tục thực hiện giải ngân cho công tác đền bù GPMB). Đến ngày 11/11/2024, đã giải ngân đạt 3,453/25,132 tỷ đồng, đạt 13,7% kế hoạch.

2. Về tăng trưởng kinh tế

Tỉnh chú trọng đẩy mạnh chỉ đạo, thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Năm 2024, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục duy trì phát triển. Giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP- giá so sánh 2010) ước đạt 63.249 tỷ đồng, tăng 4,38% so với năm 2023, bằng 98,15% KH năm 2024. Quy mô nền kinh tế cơ bản ổn định, duy trì ở mức khá (giá trị GRDP đứng đầu khu vực Tây Nguyên), các khu vực đều có tăng trưởng so với cùng kỳ.

Chuyển dịch của các ngành kinh tế diễn ra còn chậm do nền kinh tế của tỉnh vẫn phụ thuộc nhiều vào sản xuất nông nghiệp, xuất khẩu nông sản thô chưa qua chế biến tỷ trọng còn cao. Cụ thể: Nông, lâm, thủy sản tăng từ 37,38% năm 2023 lên 41,95% năm 2024; Công nghiệp - xây dựng giảm từ 17,86% năm 2023 xuống còn 16,48% năm 2024; Dịch vụ giảm từ 40,73% năm 2023 xuống còn 37,82 năm 2024.

GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) ngày càng tăng, năm 2023 đạt 62,97 triệu đồng/người, đến năm 2024 ước đạt 74,7 triệu đồng/người, tăng khoảng 11,7 triệu đồng/người so với năm 2023.

3. Về huy động vốn đầu tư: Huy động vốn đầu tư cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kết cấu hạ tầng và hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội trong năm 2024 ước đạt 36.990 tỷ đồng, chiếm khoảng 25,45% tổng GRDP theo giá hiện hành (trong đó: vốn NSNN chiếm khoảng 23,6%, khu vực vốn ngoài nhà nước chiếm khoảng 72,4%, vốn FDI và vốn khác chiếm khoảng 4%).

4. Về tình hình sản xuất, kinh doanh

4.1. Về phát triển nông nghiệp, nông thôn

Năm 2024, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng khá. Giá trị tổng sản phẩm nông, lâm, thủy sản (giá SS 2010) ước đạt 23.451 tỷ đồng, tăng 4,52% so với năm 2023, bằng 100,65% KH năm 2024.

Ngành nông nghiệp tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp đảm bảo theo đúng khung thời vụ và kế hoạch đề ra. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh trên tất cả các lĩnh vực và đã đạt được kết quả khả quan, toàn diện, tạo sự chuyển biến rõ nét hơn theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Ước đến hết năm 2024, tổng diện tích cây trồng đạt 693.649 ha, bằng 105,39% KH (tăng 2.235 ha so với năm 2023), trong đó cây hàng năm tăng 2.240 ha so với năm 2023, cây lâu năm giảm 05 ha; đặc biệt từ đầu năm đến nay, với điều kiện thuận lợi là giá cà phê, hồ tiêu, cao su, sầu riêng,... tăng cao³, đã làm tăng thu

³ Giá cà phê trung bình 120 ngàn đồng/kg, có thời điểm giá cà phê lên đến 140 ngàn đồng/kg, cao gấp 3 lần năm 2023; giá hồ tiêu trung bình khoảng 145 ngàn đồng/kg, có thời điểm lên đến 160 ngàn đồng/kg, cao gấp 2 lần năm

nhập cho người dân, doanh nghiệp, góp phần đẩy mạnh phát triển nông nghiệp của tỉnh. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2024 ước đạt 1.339.313 tấn, bằng 107,71% KH năm 2024.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển, dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm cơ bản được khống chế. Ước tính số lượng đàn vật nuôi chính toàn tỉnh đạt khoảng 18.484.700 con (tăng khoảng 1.041.700 con); sản lượng thịt hơi ước đạt 256.700 tấn, đạt 102,68%KH (tăng 11.700 tấn so với năm 2023); sản lượng trứng các loại ước đạt 377 triệu quả (đạt 101,89% KH). Thủy sản phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, sản lượng nuôi trồng đạt trên 27.700 tấn, bằng 100% KH, sản lượng khai thác ước đạt 1.700 tấn, đạt 100% KH năm 2024.

Hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được đầu tư nâng cấp và từng bước hiện đại hóa, phục vụ ngày càng tốt hơn cho sản xuất, đời sống dân sinh, phòng chống thiên tai. Trong năm 2024, toàn tỉnh đang triển khai tổng số 89 dự án thủy lợi với tổng mức đầu tư khoảng 1.443 tỷ đồng. Tính đến nay, toàn tỉnh có 858 công trình thủy lợi, gồm 619 hồ chứa, 161 đập dâng, 78 trạm bơm; tỷ lệ đảm bảo chủ động tưới cho cây trồng dùng nước trên địa bàn đạt 84,45%, tăng 0,57% so với cuối năm 2023.

Công tác quản lý, bảo vệ, PCCC rừng và triển khai trồng rừng năm 2024 được các ngành chức năng, các địa phương và các chủ rừng chú trọng thực hiện. Dự kiến đến hết năm 2024 trồng rừng tập trung đạt 4.500ha/1.817ha (đạt 247% KH); độ che phủ rừng đạt 38,1%, tăng 0,06% so với năm 2023. Tuy nhiên, tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép vẫn còn xảy ra trên địa bàn, trong 10 tháng đã xảy ra 938 vụ (tăng 05 vụ so với cùng kỳ năm 2023), trong đó: Hành vi phá rừng trái pháp luật 741 vụ, diện tích rừng bị thiệt hại 206 ha; khai thác rừng trái pháp luật 26 vụ; săn bắt động vật rừng trái pháp luật 02 vụ; vận chuyển lâm sản trái pháp luật 79 vụ; mua, bán, tàng trữ lâm sản trái pháp luật 64 vụ; các vi phạm khác 26 vụ.

Chương trình Xây dựng nông thôn mới được tập trung thực hiện, kết quả mang lại từ chương trình giúp bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi, đời sống vật chất tinh thần của người dân dần được nâng cao. Ước đến hết năm 2024 toàn tỉnh có 81/149 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tương ứng tỷ lệ 54,36% (không đạt chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 đề ra: Lũy kế có 85/151 xã). Có 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 01/15 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới là TP.BMT. Bình quân toàn tỉnh đạt 16,3 tiêu chí/xã (KH: bình quân đạt 16,3 tiêu chí/xã).

Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 230 sản phẩm OCOP (03 sản phẩm tiềm năng 5 sao, 42 sản phẩm đạt 4 sao và 185 sản phẩm đạt 3 sao) của 144 chủ thể, gồm: 51 Doanh nghiệp, 34 Hợp tác xã và 59 Hộ kinh doanh. Các sản phẩm đạt 4 sao đều có tiềm năng để hoàn thiện, chuẩn hóa các tiêu chí để nâng cấp chất lượng đạt chuẩn 5 sao (cấp quốc gia) để tham gia vào thị trường quốc tế.

Về tình hình thiên tai (mưa, lũ, hạn hán,...): Từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 đợt hạn hán trên diện rộng; 6 trận dông, lốc; 01 trận mưa đá; 01 đợt mưa lũ và 01 vụ sạt lở đất gây ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân trong tỉnh; ước thiệt hại hơn 215 tỷ đồng (tăng 43 tỷ so với cùng kỳ 2023).

4.2. Về công nghiệp, thương mại - dịch vụ

a) *Công nghiệp*: Giá trị tổng sản phẩm công nghiệp (GRDP - giá SS 2010) năm 2024 ước đạt 6.647 tỷ đồng, tăng 8,62% so với năm 2023, bằng 97,4% KH năm 2024.

Công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò quan trọng, trong duy trì tăng trưởng toàn ngành. Chỉ số sản xuất công nghiệp lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo duy trì ở mức tăng trưởng trên 10% so với cùng kỳ năm 2023. Sản lượng các sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng khá so với cùng kỳ như cà phê bột, đường, đặt biệt sản lượng bia dự kiến đạt 80 triệu lít, tăng 6,7% so với năm 2023, sản phẩm viên nén (gỗ băm dăm) dự kiến đạt 84.000 tấn, gấp 3,5 lần sản lượng năm 2023... và có 01 sản phẩm công nghiệp mới đưa vào sản xuất⁴. Đối với lĩnh vực luyện cán thép sản dự kiến đạt 350.000 tấn, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2023. Tình hình cung cấp điện thương phẩm trong năm ổn định, trong kỳ mức tiêu thụ điện năng ước đạt 2.350 triệu kWh, tăng 10 % so với cùng kỳ năm 2023, đạt 111,9% KH. Sản lượng điện sản xuất ước đạt 7.000 Triệu kWh, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 94,6% KH. Sản lượng lĩnh vực công nghiệp khai khoáng duy trì ổn định so với cùng kỳ năm trước.

* *Tình hình hoạt động tại các khu, cụm công nghiệp*:

- Tại Khu công nghiệp Hòa Phú: Từ đầu năm đến nay, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 13 dự án. Lũy kế đến nay, tổng số dự án đăng ký đầu tư trong KCN Hòa Phú là 59 dự án, với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 5.956 tỷ đồng, trong đó có 05 dự án 100% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 2.133 tỷ đồng (tương đương 89,6 triệu USD). Có 52 doanh nghiệp đăng ký đầu tư, trong đó có 39 DN đang hoạt động, giải quyết việc làm cho hơn 4.600 lao động; doanh thu năm 2024 của các DN trong KCN ước đạt 4.198 tỷ đồng.

- Tại 09 cụm công nghiệp⁵: Có 175 dự án đầu tư và đã có chủ trương đầu tư với tổng số vốn đăng ký ban đầu khoảng 7.000 tỷ đồng; diện tích đất công nghiệp đã cho các doanh nghiệp thuê là 278 ha/299 ha, tỷ lệ lấp đầy khoảng 92% diện tích. Các dự án đang hoạt động tại các cụm công nghiệp giải quyết việc làm cho hơn 7.000 lao động tại địa phương.

b) *Thương mại - dịch vụ*: Tổng mức luân chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ năm 2024 ước đạt 105.000 tỷ đồng, tăng 4,96% so với năm 2023, bằng 105,2% KH năm 2024 (KH: 99.800 tỷ đồng). Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh thời gian qua phát triển theo hướng hiện đại; hàng hóa, dịch vụ đa dạng phong phú, các mặt hàng thiết yếu đảm bảo đáp ứng phục vụ tốt nhu cầu người dân trên địa bàn. Hoạt động thúc đẩy kết nối giao thương, lưu thông hàng hóa trên thị trường được chú trọng, tạo cầu nối giữa sản xuất với tiêu dùng. Doanh thu từ các hoạt động dịch vụ duy trì tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước.

Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 1.650 triệu USD, tăng 10,3% so với năm

⁴ Sản phẩm lông mi nhân tạo của Công ty TNHH KDV Vina, với tổng mức đầu tư khoảng 224 tỷ đồng, công suất khoảng 3 triệu sản phẩm/năm.

⁵ Gồm: CCN Tân An 1, Tân An 2, CCN Ea Ral, CCN Ea Lê, CCN Ea Đar, CCN Hòa Sơn, CCN Krông Buk 1, CCN M'Đrắk, CCN Cư Kuin.

2023, bằng 103,1% KH năm 2024 (KH: 1.600 triệu USD). Trong năm, giá các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực như cà phê, hạt hồ tiêu tăng hơn 85% so với năm trước và xuất khẩu sản phẩm ong đã có dấu hiệu tăng trưởng trở lại, nên kim ngạch xuất khẩu của tỉnh tăng mạnh so với năm 2023.

Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 500 triệu USD, tăng 41,6% so với năm 2023, bằng 476,2% KH năm 2024 (KH: 105 triệu USD). Nhập khẩu tăng mạnh chủ yếu là do các dự án công nghiệp nhập khẩu trang thiết bị, máy móc phục vụ dự án và nhập khẩu phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Dịch vụ: Giá trị tổng sản phẩm ngành dịch vụ (GRDP - giá SS 2010) năm 2024 ước đạt 27.086 tỷ đồng, tăng 3,93% so với năm 2023, bằng 97,08% KH năm 2024. Hầu hết các ngành dịch vụ như: du lịch, khách sạn, nhà hàng, bán lẻ, tài chính, bảo hiểm, giáo dục, y tế, truyền thông, vận tải, tư vấn pháp luật, dịch vụ công,.... vẫn duy trì và phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu về sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng xã hội.

Hoạt động du lịch tăng trưởng khá, tổng thu từ du lịch toàn tỉnh trong năm 2024 ước đạt 1.150 tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ 2023. Tổng số khách đón tiếp ước đạt 1.400.000 lượt khách, tăng 8,1% so cùng kỳ 2023 (trong đó: Khách trong nước ước đón 1.368.000 lượt khách, tăng 8,1 % so cùng kỳ 2023. Khách quốc tế 32.000 lượt khách, tăng 5,8% so với cùng kỳ 2023).

4.3. Về xây dựng

Giá trị tổng sản phẩm xây dựng (GRDP - giá SS 2010) năm 2024 ước đạt 3.675 tỷ đồng, tăng 4,7%, bằng 96,72% KH năm 2024. Công tác quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý xây dựng theo quy hoạch,... được các cấp, các ngành chức năng tổ chức thực hiện đúng quy định⁶. Tỉnh đã xây dựng và ban hành Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 quy định điều kiện về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch triển khai Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân, khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh năm 2024; phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh giai đoạn 2021-2025 và năm 2024. Trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐ ngày 12/7/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo tỉnh từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025⁷.

Thực hiện Kế hoạch rà soát tổng thể quy hoạch chung đô thị giai đoạn 2021-2025; tỉnh đã triển khai rà soát, điều chỉnh tổng thể cho 08 đô thị⁸. Tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu đô thị (tỷ lệ 1/2000): Thành phố Buôn Ma Thuột đạt 74,15%

⁶ Đến nay, ngành xây dựng tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi 29 hồ sơ; thẩm định dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật 23 hồ sơ; thẩm định thiết kế BVTC-DT, thiết kế xây dựng triển khai sau TKCS và thẩm định thiết kế bản vẽ thi công (nguồn vốn khác và vốn Nhà nước ngoài ngân sách) 35 hồ sơ với tổng mức đầu tư các dự án đã thẩm định trên 3.882 tỷ đồng; thực hiện kiểm tra nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng 65 công trình,...

⁷ Kế hoạch năm 2024 là 1.993 hộ (huyện Ea Súp 1.443 hộ, huyện M’Đrắk 550 hộ). Kết quả ước thực hiện đến tháng 9/2024, triển khai thực hiện xây dựng 549/1.993 hộ (huyện Ea Súp 195/1.443 hộ, huyện M’Đrắk 354/550 hộ), số hộ còn lại tiếp tục thực hiện.

⁸ Thị xã Buôn Hồ; thị trấn Ea Kar; Buôn Tráp; Liên Sơn; M’Đrắk; Krông Năng; Đô thị Ea Na; và Phước An.

(diện tích 5.784,11/7.800ha đất xây dựng đô thị theo QHC); Thị xã Buôn Hồ đạt 27,98% (diện tích 1.795,32ha/6.416,36ha đất xây dựng đô thị theo quy hoạch chung). Quy hoạch chung xây dựng xã đạt 76,8% (có 116/151 xã đã phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể cho giai đoạn 2021-2035)... Bên cạnh đó, triển khai nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Buôn Ma Thuột đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 382/QĐ-TTg ngày 07/5/2024; hoàn thành công tác điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung TP.BMT theo phân cấp tại Quyết định 07/2023/QĐ-TT của Thủ tướng Chính phủ; triển khai lập Chương trình phát triển đô thị thị xã Buôn Hồ đến năm 2030 và lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị mới Ea Kar,... Đến cuối năm 2024, diện tích nhà ở bình quân khu vực đô thị đạt 27,6 m² sàn/người, nhà ở nông thôn đạt 21,6 m² sàn/người.

Các đơn vị cung cấp dịch vụ nước sạch; thu gom, vận chuyển chất thải đã từng bước cải thiện năng lực, ngày càng mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ. Đến nay, tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch năm 2024 ước đạt 92% (KH: 92%); tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom và xử lý ước đạt 91,8% (KH: 91,8%).

4.4. Về tài nguyên - môi trường

Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường tiếp tục được tăng cường thực hiện. UBND tỉnh đang tập trung xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thuộc thẩm quyền của địa phương⁹; trình HĐND tỉnh: Nghị quyết thông qua Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2024. Triển khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; xem xét điều chỉnh quy mô, vị trí công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện¹⁰; phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch đất cho hoạt động khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của 03 huyện: Ea Kar, Krông Pắc, Buôn Đôn. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của 15/15 đơn vị hành chính cấp huyện và điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 các huyện: Krông Pắc, Ea Kar, Buôn Đôn, Cư Kuin.

Ngành tài nguyên và môi trường tập trung tham mưu tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, khai thác mỏ vật liệu xây dựng, bãi đổ thải, công tác đền bù, GPMB để triển khai thực hiện Dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột; tổ chức thực hiện tốt công tác thẩm định hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử

⁹ Đến nay, UBND tỉnh đã ban hành 04 văn bản quy phạm pháp luật quy định 16/20 nội dung, đạt 80%, gồm: Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (quy định 5 nội dung); Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 quy định hạn mức một số loại đất; giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (quy định 09 nội dung); Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 quy định hạn mức đất tôn giáo cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (quy định 01 nội dung); Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 quy định diện tích đất nông nghiệp sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

¹⁰ Trên địa bàn các huyện: Krông Năng, Ea Kar, Cư Kuin, Buôn Đôn, Lắk, Krông Bông, Krông Pắc và TP.BMT.

dụng đất đối với các tổ chức và điều chỉnh Quyết định thuê đất¹¹; tiếp tục thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh và thu hồi, cho thuê đất sau khi phương án được phê duyệt; thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác quỹ đất; triển khai thực hiện các thủ tục và tổ chức đấu giá các thửa đất tạo nguồn thu cho ngân sách tỉnh¹². Đến hết năm 2024, thực hiện cấp 28 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) lần đầu cho tổ chức (đạt 40% KH), diện tích 44,65 ha; UBND cấp huyện cấp 5.647 GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân (đạt 66,4%), diện tích 1.559,87 ha. Chỉ tiêu chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đạt 108,68 ha, bằng 127,86% KH.

Công tác bảo vệ môi trường trong việc thực hiện các dự án đầu tư được chú trọng, thực hiện, nhất là các dự án đầu tư trong Khu, Cụm công nghiệp, đảm bảo các dự án đầu tư không chỉ mang lại lợi ích về kinh tế - xã hội mà còn thúc đẩy an ninh xã hội và bảo vệ môi trường. Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 30%¹³.

4.5. Về giao thông vận tải

Công tác đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông được Trung ương và địa phương tập trung đầu tư xây dựng. Đến nay, kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả quan trọng, từng bước đồng bộ với nhiều dự án trọng điểm, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, nhất là phát triển hạ tầng giao thông kết nối các vùng, các khu vực, với các dự án quan trọng đã được phê duyệt như: Tuyến đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột; Dự án Cải tạo nâng cấp Tỉnh lộ 1, Tỉnh lộ 2, Tỉnh lộ 3, Tỉnh lộ 9, Tỉnh lộ 12, Tỉnh lộ 13, Quốc lộ 29,... Do đó, chỉ tiêu nhựa hóa hoặc bê tông hóa các tuyến đường địa phương cũng tăng lên đáng kể (Đường tỉnh tăng từ 96,64% năm 2023 lên 97,17% năm 2024; đường huyện tăng từ 95,14% lên 96,97%; đường xã tăng từ 69,96% lên 79,98%).

Bên cạnh đó, tỉnh đã phối hợp với UBND tỉnh Phú Yên cùng kiến nghị Bộ Giao thông vận tải đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến Quốc lộ 29, bổ sung tuyến đường sắt Buôn Ma Thuột - Tuy Hoà vào Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và sớm triển khai thực hiện đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Phú Yên - Đắk Lắk; cùng các tỉnh Gia Lai, Đắk Nông kiến nghị Bộ Giao thông vận tải đăng ký danh mục đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây ưu tiên đầu tư trước năm 2030. UBND tỉnh cũng đã có Văn bản đề xuất Bộ Giao thông vận tải phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, tham mưu báo cáo Chính phủ trình

¹¹ Phê duyệt 02 Phương án sử dụng đất do UBND các huyện lập, cụ thể: Phương án sử dụng đất do UBND huyện Krông Năng lập đối với diện tích 19,33 ha đất tại xã Phú Lộc và xã Ea Hồ, huyện Krông Năng và Phương án sử dụng đất do UBND huyện Ea Súp lập đối với diện tích 3.313,6ha/4.180ha tại xã Ia Lốp, xã Ia R'vê, huyện Ea Súp,...

Trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh PA sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp LẮK tại Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh. Tổ chức họp rà soát tiến độ lập, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh phương án sử dụng đất; kết quả rà soát tiến độ thực hiện hồ sơ đất đai đối với các Công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đôn đốc các Công ty nông, lâm nghiệp hoàn thiện hồ sơ đất đai theo PA sử dụng đất được phê duyệt.

¹² Gồm dự án: (1) Hạ tầng kỹ thuật khu đất phường Tân Hoà, TP.BMT; (2) Khu đất đường 30/4, tổ dân phố 4, phường Thành Nhất, TP.BMT; (3) Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 10/3, phường Tân Lợi, TP. BMT; (4) Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Tô dân phố 4, phường Tân Lập.

¹³ Khu công nghiệp Hoà Phú đã có hệ thống thu gom nước mưa, nước thải riêng biệt, đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.900 m³/ngày đêm (giai đoạn 1); hiện đang triển khai đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.200 m³/ngày đêm (giai đoạn 2). Trong 09 Cụm công nghiệp đang hoạt động, CCN Tân An và CCN Ea Đar đang triển khai xây dựng và theo kế hoạch đưa vào vận hành trong tháng 12/2024; còn lại các cụm công nghiệp khác chưa đầu tư hạ tầng kỹ thuật về môi trường.

Quốc hội xem xét điều chỉnh Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 với nội dung phân kỳ thực hiện dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây trước năm 2030. Công tác quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa các quốc lộ, tỉnh lộ thuộc địa phương quản lý được các đơn vị chức năng tập trung triển khai, cơ bản đảm bảo đúng tiến độ; quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán, bảo đảm tiến độ, chất lượng; quản lý vận tải, các cơ sở đăng kiểm và cơ sở đào tạo, sát hạch lái xe hoạt động theo đúng quy định.

Trên địa bàn tỉnh có 06 Trung tâm Đăng kiểm hoạt động theo hình thức xã hội hóa, trong năm 2024 kiểm định khoảng 110.000 lượt phương tiện (KH năm 2024 là 100.000). Công tác đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe được quản lý chặt chẽ và nâng cao về chất lượng, đáp ứng nhu cầu học, thi lấy giấy phép xe của người dân; trong năm 2024 dự kiến cấp mới 55.000 GPLX, đạt 157% KH; đổi, cấp lại 46.000 Giấy phép lái xe, đạt 200% KH.

Các doanh nghiệp vận tải tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực vận chuyển, chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân. Từ đầu năm đến nay, khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 13.943 ngàn lượt hành khách, lượng hành khách luân chuyển ước đạt 1.295 triệu lượt hành khách.km; khối lượng vận chuyển hàng hoá ước đạt 2.946 ngàn tấn, lượng hàng hoá luân chuyển ước đạt 776 triệu tấn.km.

4.6. Về thu, chi ngân sách nhà nước và hoạt động ngân hàng

a) Thu, chi ngân sách: Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 8.500 tỷ đồng, tăng 7,68% so với năm 2023, bằng 100% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 121,43% dự toán Trung ương giao (KH năm 2024: HĐND tỉnh giao 8.500 tỷ đồng; dự toán TW giao 7.000 tỷ đồng). Trong đó:

(i) Thu thuế và phí đạt 5.839 tỷ đồng, tăng 4,88% so với cùng kỳ năm 2023, bằng 114,5% KH năm 2024.

(ii) Thu biên pháp tài chính đạt 2.378 tỷ đồng, tăng 22,9% so với cùng kỳ năm 2023, bằng 74,5% KH năm 2024. Trong đó, thu tiền sử dụng đất khoảng 2.125 tỷ đồng (cấp tỉnh thực hiện 360 tỷ đồng, bằng 26% KH; cấp huyện thực hiện 1.765 tỷ đồng, bằng 111,03% KH).

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh và Ban chỉ đạo đơn đốc và chống thất thu NSNN đã tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về thu NSNN; các ngành, các địa phương đã cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ thu NSNN, khai thác hiệu quả nguồn thu. Nhờ triển khai kịp thời các chính sách của Chính phủ trước đó về giảm, gia hạn tiền thuế giúp doanh nghiệp và người dân có thêm nguồn lực phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trên đà phục hồi, đóng góp lớn vào ngân sách. Tuy nhiên, thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh trong năm 2024 tiếp tục không đạt kế hoạch do đến nay chưa hoàn thành các trình tự, thủ tục để thực hiện bán đấu giá các dự án lớn thuộc tỉnh quản lý.

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 25.639 tỷ đồng, tăng 26,2% so với năm 2023, bằng 112,5% KH, trong đó: chi đầu tư phát triển 4.745 tỷ đồng, tăng 19,3% so với năm 2023, bằng 115,4% KH; chi thường xuyên 16.818 tỷ đồng, tăng 28,4% so với năm 2023, bằng 113,4% KH. Chi NSNN năm 2024 tăng cao chủ yếu

là ở tăng lương và chi các chính sách, chế độ khi thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ về quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- *Hoạt động ngân hàng*: Hoạt động tiền tệ - ngân hàng tiếp tục ổn định, góp phần tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tổng huy động vốn đến cuối năm 2024 ước đạt 99.500 tỷ đồng, tăng 19,6% so với đầu năm (KH: 90.000 tỷ đồng); Tổng dư nợ cho vay ước đạt 167.500 tỷ đồng, tăng 10,3% so với đầu năm (KH: 167.500 tỷ đồng); nợ xấu chiếm <3% tổng dư nợ cho vay. Dư nợ cho vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh đạt 8.500 tỷ đồng, tăng 15,5% so với đầu năm (KH: 8.100 tỷ đồng).

4.7. Công tác đối ngoại

a) *Về hợp tác quốc tế*: Công tác ngoại giao kinh tế được triển khai chủ động, tích cực với các sự kiện lớn như Hội nghị Doanh nghiệp và Đầu tư giữa Ấn Độ với các tỉnh Tây Nguyên, Chương trình Kết nối Đắc Lắc - Doanh nghiệp Mông Cổ đã tạo cầu nối hỗ trợ, quảng bá, mở rộng thị trường sang Mông Cổ và Ấn Độ... cho các ngành, lĩnh vực, địa phương, doanh nghiệp. Quan hệ hữu nghị tốt đẹp với các địa phương của Lào, Campuchia, Hàn Quốc, Mông Cổ tiếp tục được duy trì và củng cố bên cạnh việc mở rộng giao lưu với Pháp, Ấn Độ và Nhật Bản, tạo tiền đề tăng cường hợp tác kinh tế trong thời gian tới. Trong năm, UBND tỉnh đã phê duyệt tiếp nhận 15 khoản viện trợ mới trong lĩnh vực giáo dục, nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và hỗ trợ phát triển sinh kế cho phụ nữ, tổng vốn viện trợ đạt hơn 40 tỷ đồng, tương đương 1,69 triệu USD (vượt mục tiêu đề ra là hàng năm kêu gọi đạt 1,3 triệu USD/năm). Đến nay, trên địa bàn tỉnh đang triển khai 39 khoản viện trợ với tổng giá trị hơn 195 tỷ đồng, tương đương hơn 8,7 triệu USD, trong đó có 32 khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước với tổng giá trị gần 178 tỷ đồng, tương đương 8,1 triệu USD.

Công tác ngoại giao văn hóa và các hoạt động quảng bá địa phương cũng hỗ trợ tích cực cho công tác ngoại giao kinh tế thông qua việc quảng bá các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh bằng nhiều hình thức. Hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài được quản lý chặt chẽ, góp phần duy trì an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh. Công tác kiểm tra, hướng dẫn, đối thoại về các quy định liên quan đến lĩnh vực ngoại vụ như đoàn vào, hội nghị, hội thảo quốc tế, công tác bảo hộ công dân cũng đã phát huy hiệu quả¹⁴.

b) *Về hợp tác trong nước*: Tỉnh chú trọng chỉ đạo, thực hiện các nội dung đã cam kết tại các Chương trình liên kết hợp tác với các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên và vùng lân cận như: Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa 2 tỉnh Khánh Hòa và Đắc Lắc giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Tây Nguyên,... nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương và hỗ trợ nhau

¹⁴ Trong năm, đã giải quyết cho 454 đoàn vào với 1.178 lượt người vào làm việc tại tỉnh; trong đó, có 13 đoàn ngoại giao (Đại sứ quán: Canada, Úc, Hà Lan, Đức, El Salvador; Tổng Lãnh sự quán: Hoa Kỳ, Hà Lan, Ấn Độ); và 02 đoàn địa phương nước ngoài (Đoàn tỉnh Champasak - nước CHDCND Lào; tỉnh Mondulhiri - Vương quốc Campuchia); 122 đoàn phi chính phủ nước ngoài; 317 đoàn chuyên gia nước ngoài. Giải quyết cho phép đối với 54 đoàn ra với 268 lượt cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đi công tác, học tập, thi đấu... tại các nước: Úc, Hàn Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan, Nhật Bản, Trung Quốc, Mông Cổ; trong đó, có 11 đoàn công tác cấp tỉnh, 43 đoàn công tác cấp Sở, ngành.

cùng phát triển.

4.8. Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư

- *Về thu hút đầu tư*: Từ đầu năm đến nay (tháng 10/2024), tỉnh tiếp nhận 108 lượt hồ sơ dự án đề nghị quyết định chủ trương đầu tư với tổng số vốn đầu tư 15.484 tỷ đồng; UBND tỉnh đã phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư cho 15 dự án với tổng số vốn đầu tư 3.274 tỷ đồng; điều chỉnh 25 dự án, trong đó có 06 dự án làm tăng tổng vốn đầu tư từ 323 tỷ đồng lên 806 tỷ đồng.

- *Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)*: Đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 02 dự án với tổng mức đầu tư là 10,675 triệu USD. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 28 dự án FDI với tổng vốn đăng ký khoảng 748,38 triệu USD, trong đó: ngoài KCN 23 dự án với tổng vốn đăng ký 659,88 triệu USD, trong KCN Hòa Phú là 05 dự án với tổng vốn đăng ký là 88,5 triệu USD.

- *Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)*: Trong năm, UBND tỉnh đã phê duyệt văn kiện 02 dự án Hỗ trợ kỹ thuật do Chương trình tài trợ các dự án nhỏ của Quỹ môi trường toàn cầu (UNDP/GEF SGP) viện trợ không hoàn lại với tổng mức đầu tư 3,71 tỷ đồng¹⁵; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu chương trình hành động quốc gia REDD+ tại tỉnh Đắk Lắk với tổng mức đầu tư 468,73 tỷ đồng; triển khai các thủ tục đề xuất dự án, quyết định chủ trương đầu tư đối với 04 dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi với tổng mức đầu tư khoảng 12.583 tỷ đồng. Lũy kế đến nay, tỉnh có 05 dự án vốn ODA, vốn vay ưu đãi đang triển khai thực hiện với tổng mức đầu tư 1.314 tỷ đồng, tương đương 57 triệu USD.

4.9. Về hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể

a) *Về phát triển doanh nghiệp (DN)*: Trong năm 2024, ước có 1.430 DN thành lập mới, tăng 2,9% so với năm 2023, bằng 77,3% KH năm 2024 (KH: 1.850 DN); bên cạnh đó còn có 412 DN tạm ngừng kinh doanh đã đăng ký hoạt động trở lại, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2023. Lũy kế đến cuối năm 2024, trên địa bàn tỉnh có khoảng 13.200 doanh nghiệp còn đăng ký, hoạt động (trong đó có 12.230 DN và 970 chi nhánh của DN ngoài tỉnh đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh).

Mặc dù Chính phủ và địa phương đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh¹⁶. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng kinh doanh trong năm tiếp tục tăng, ước có 222 DN giải thể và 1.250 DN tạm ngừng hoạt động, tăng 53% so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của biến động kinh tế thế giới, doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do giá cả hàng hóa, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất tăng; khó khăn về tài chính, thị trường quốc tế bị thu hẹp, ... tiếp tục là những cản trở trong hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra,

¹⁵ Dự án Xây dựng mô hình nông lâm nghiệp và du lịch cộng đồng cải thiện sinh kế đồng bào dân tộc thiểu số xã Đắk Phơi, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk; Dự án Thí điểm sản xuất sâu riêng ứng dụng công nghệ thông minh và kết hợp xây dựng mô hình vườn mẫu sâu riêng gắn du lịch trải nghiệm nông nghiệp ở xã Krông Nô, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

¹⁶ Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh; Công văn số 857/UBND-TH ngày 30/01/2024 của tỉnh về đẩy mạnh triển khai các giải pháp cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)...

những vấn đề hạn chế nội tại của doanh nghiệp như quy mô nhỏ, tiềm lực hạn chế, chất lượng nguồn nhân lực chưa đạt yêu cầu, năng lực cạnh tranh yếu,... cũng là nguyên nhân chính cản trở sự phục hồi, phát triển của doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ DNNVV, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh: Để tiếp tục triển khai các hoạt động hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch về hỗ trợ pháp lý, công nghệ, chuyển đổi số, đào tạo,... cho DNNVV¹⁷. Tổ chức thành công Hội nghị đối thoại DN, HTX năm 2024, Hội thảo về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao Chỉ số PCI của tỉnh và nhiều hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST theo kế hoạch đã được phê duyệt như: Cuộc thi tìm kiếm ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp, kinh doanh của Phụ nữ và Ngày hội phụ nữ khởi nghiệp năm 2024; hỗ trợ các dự án khởi nghiệp của tỉnh tham gia Techfest Quảng Nam 2024. Đặc biệt, vừa qua tỉnh đã tổ chức thành công Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Techfest Đăk Lăk 2024, thu hút hơn 150 doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp trưng bày sản phẩm, cùng với nhiều sự kiện Hội thảo, tọa đàm sôi nổi về công tác xây dựng, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, hỗ trợ DN vượt qua khó khăn, phục hồi sản xuất.

c) Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước (DNNN): Tỉnh tiếp tục tập trung xử lý, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện sắp xếp, đổi mới các DNNN thuộc tỉnh quản lý; triển khai rà soát, đề xuất điều chỉnh phương án sắp xếp các Công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12/01/2024 của Chính phủ; thực hiện giám sát tài chính doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước do UBND tỉnh làm chủ sở hữu năm 2024. Cho ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh để Người đại diện phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần biểu quyết, quyết định tại ĐHĐCĐ. Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị và Kết luận số 82-KL/TW về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Tình hình kinh tế tập thể: Công tác phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của KTTT trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm thực hiện; khu vực KTTT, HTX có những chuyển biến tích cực, nhiều HTX mạnh dạn thay đổi phương thức sản xuất, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật mới để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Trong năm 2024, ước có 75 HTX thành lập mới, đạt 125% KH (KH: 60 HTX), giảm 31,8% so với năm 2023. Lũy kế toàn tỉnh ước có 852 HTX, 05 LHHTX, trong đó: 670 HTX và 03 LHHTX đang hoạt động và 182 HTX, 02 LHHTX ngừng hoạt động. Tổng số thành viên HTX khoảng 71.500 người. Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh còn có 435 THT với khoảng 7.750 thành viên tham gia.

5. Về đầu tư xây dựng cơ bản

a) Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 của tỉnh: 6.726,86 tỷ đồng, trong đó: (i) Giao đầu năm 6.196,87 tỷ đồng; (ii) Giao bổ sung trong năm từ nguồn vốn tăng thu tiết kiệm chi NSTW 300 tỷ đồng (Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu

¹⁷ Gồm: Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 04/03/2024 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV năm 2024; Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh về triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho DNNVV năm 2024; Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 13/8/2024 của UBND tỉnh về tổ chức Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh năm 2024,...

tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột); (iii) Bổ sung đầu tháng 11/2024 là 230 tỷ đồng (Dự án Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 1 đoạn từ cầu Buôn Ky, thành phố Buôn Ma Thuột đến Km 49+00).

Do hụt thu biện pháp tài chính dành cho đầu tư công năm 2024 đối với nguồn vốn ngân sách địa phương, nên kế hoạch đầu tư công năm 2024 điều chỉnh giảm xuống còn 5.844,59 tỷ đồng (giảm 882,27 tỷ đồng), trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 2.645,73 tỷ đồng, trong đó:
 - + Vốn trong nước: 1.370 tỷ đồng;
 - + Vốn nước ngoài: 62,38 tỷ đồng;
 - + Vốn thực hiện các Chương trình MTQG: 913,35 tỷ đồng.
- Nguồn vốn ngân sách địa phương: 3.198,85 tỷ đồng (giảm 882,27 tỷ đồng).

b) *Về tình hình phân bổ*: Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2024 ngân sách tỉnh quản lý để thực hiện dự án là 4.108,75 tỷ đồng (số sau khi đã điều chỉnh). Đã giao chi tiết đến từng dự án đạt 100% KH.

c) *Về kết quả giải ngân*: Đến ngày 13/11/2024, đã giải ngân được 2.575,4/4.108,75 tỷ đồng, đạt 62,7% kế hoạch (cao hơn 8,5% so với cùng kỳ năm trước - cùng kỳ đạt 54,2%); nếu không tính số vốn Trung ương bổ sung thì giải ngân đạt 66,4% kế hoạch.

6. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

6.1. Về giáo dục và đào tạo:

Tỉnh đã hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm học 2023-2024 và tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 an toàn, nghiêm túc. Tập trung triển khai nhiệm vụ năm học 2024-2025; tổ chức khai giảng năm học mới. Tiếp tục duy trì thực hiện tốt Chương trình GDPT 2018, nâng cao chất lượng dạy và học. Cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác giáo dục, đào tạo được quan tâm đầu tư, đa dạng hoá các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực từ xã hội hoá được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả, góp phần đáp ứng yêu cầu dạy học. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia ước đạt 62%, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 87,3% (cao hơn 7,3% so với trung bình cả nước).

Bên cạnh đó, tỉnh đã đăng cai tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ X - năm 2024 Khu vực IV tại tỉnh Đắk Lắk. Tổ chức, tham dự đầy đủ, nghiêm túc các hội thi, hội nghị cấp tỉnh và tham gia, đạt thành tích cao tại các Hội thi, cuộc thi toàn quốc.

6.2. Về y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân:

Ngành y tế chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; tăng cường đầu tư trang thiết bị; củng cố nhân lực, bố trí cán bộ phù hợp với trình độ chuyên môn và thực hiện các giải pháp để khắc phục tình trạng thiếu thuốc, thiết bị, vật tư y tế tại các cơ sở y tế. Từ đầu năm đến nay, các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn đã khám 3,7 triệu lượt, điều trị nội trú trên 440 nghìn lượt, điều trị ngoại trú trên 47 nghìn lượt. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi) giảm còn 17,6%; số giường bệnh/vạn dân đạt 29 giường/vạn dân; số bác sỹ/vạn dân đạt 7,7 bác sỹ/vạn dân. Tỷ lệ bao phủ BHYT ước đạt 93,5%.

Bên cạnh đó, các hoạt động y tế dự phòng được tập trung triển khai thực hiện, cơ bản kiểm soát tốt các dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn.

6.3. Về văn hóa, thể thao:

Tỉnh chú trọng quan tâm, phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết chặt chẽ, hài hòa với phát triển kinh tế; công tác quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc được tỉnh quan tâm thực hiện,... nhiều lễ hội truyền thống và hoạt động văn hóa, văn nghệ diễn ra sôi động; tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm 120 năm Ngày thành lập tỉnh Đắk Lắk (22/11/1904 - 22/11/2024) và nhiều sự kiện chính trị, chương trình, hoạt động nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa. Triển khai công tác chuẩn bị tổ chức Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 9 năm 2025 và các hoạt động kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Buôn Ma Thuột, giải phóng tỉnh Đắk Lắk (10/3/1975 - 10/3/2025). Các lễ hội đã thu hút đông đảo quần chúng nhân dân hưởng ứng, tạo không khí vui tươi, lành mạnh, phấn khởi, góp phần nâng cao nhận thức, gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc trên địa bàn tỉnh, tăng cường mối giao lưu trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. Tiếp tục phát triển phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”,... Ước đến hết năm 2024 toàn tỉnh có 86,8% hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa; có 86,4% thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận danh hiệu văn hóa.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng và thể dục thể thao thành tích cao tiếp tục được tỉnh quan tâm phát triển; dự kiến đến hết năm 2024, Tỷ lệ người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên đạt 34,5%; Tỷ lệ gia đình thể thao đạt 20,5%; Tỷ lệ trường học đảm bảo rèn luyện giáo dục thể chất đạt 100%. Tỉnh đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các giải thể thao của tỉnh, khu vực và toàn quốc¹⁸, đặc biệt tỉnh đăng cai và tổ chức thành công giải Bóng chuyền nữ Quốc tế VTV9 Bình Điền năm 2024; cử các đoàn thể thao của tỉnh tham gia 55 giải thể thao khu vực và toàn quốc đạt 228 huy chương các loại¹⁹; có 25 VĐV đạt kiện tướng, 37 VĐV đạt cấp 1 quốc gia; có 16 huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào các đội tuyển Quốc gia.

6.4. Về lao động, thương binh và xã hội: Công tác lao động, việc làm và các chế độ, chính sách giảm nghèo, người có công được triển khai đầy đủ, kịp thời; an sinh xã hội được đảm bảo, góp phần ổn định cuộc sống, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân. Trong năm 2024, dự kiến giải quyết việc làm cho 30.350 người, bằng 100,5% KH, trong đó xuất khẩu lao động 1.700 người, bằng 100% KH. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn đã tổ chức tuyển sinh

¹⁸ Giải vô địch Việt dã tỉnh năm 2024; giải vô địch Bóng chuyền nam, nữ; Giải bóng đá Nhi đồng tỉnh (U11); giải Bóng bàn các câu lạc bộ tỉnh Đắk Lắk; hưởng ứng Ngày Quốc tế Yoga tỉnh và giải Yoga các Câu lạc bộ Đắk Lắk mở rộng; tổ chức hoạt động Văn hóa, Thể thao trong Trại giam; giải Khiêu vũ thể thao, nghệ thuật, đồng diễn; giải Cầu lông, bóng bàn gia đình; Hội thao Ngành văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh; giải Vô địch Karate các Câu lạc bộ tỉnh; vô địch Vovinam; giải vô địch Taekwondo các lứa tuổi; Hội thao CCVC và người lao động tỉnh; Giải vô địch Bóng đá Futsal; giải vô địch các Câu lạc bộ Cầu lông tỉnh mở rộng; Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh; giải đua xe đạp “về nguồn”; giải vô địch Bóng đá 7 người; giải Bóng bàn phân hạng A, B, C tỉnh; tổ chức các trận thi đấu Bóng đá hạng Nhì tại Sân vận động Buôn Ma Thuột; Giải Karate khu vực MT-TN và kỳ thi thăng đẳng Quốc gia lần 1; giải vô địch Đẩy gậy, Kéo co quốc gia năm 2024; giải vô địch Boxing các đội mạnh Quốc gia năm 2024; giải Quần vợt đồng đội Quốc gia; giải Bóng chuyền nữ quốc tế VTV9 - Bình Điền; vòng Chung kết Bóng đá U13 quốc gia; giải Bản súng vô địch các nhóm tuổi Quốc gia; Bóng rổ 5x5 U18 quốc gia; giải Cờ tạ vô địch Quốc gia.

¹⁹ Gồm: 53 HCV, 50HCB, 125 HCD.

và đào tạo 43.701 học viên, học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị giảm còn 2,4%; Tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp giảm còn 57% (KH: 57%), Tỷ lệ lao động qua đào tạo 64% (KH: 64%), trong đó lao động có bằng cấp chứng chỉ đạt 22,25% (KH: 22,25%).

Chương trình giảm nghèo bền vững và các chính sách hỗ trợ giảm nghèo được các ngành, các địa phương tập trung thực hiện. Dự kiến trong năm 2024, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 2,5%, vượt KH đầu năm đề ra (từ 9,15% cuối năm 2023 giảm còn 6,65% cuối năm 2024); số hộ nghèo giảm 12.227 hộ (từ 46.091 hộ xuống còn 33.814 hộ); tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 3,5% (từ 23,08% xuống còn 19,58%).

Bên cạnh đó, quan tâm thực hiện các phong trào Đền ơn, đáp nghĩa, thăm tặng quà cho các đối tượng chính sách, người có công với tổng kinh phí trên 44,94 tỷ đồng, giữ vững chỉ tiêu 100% Bà mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống trên địa bàn tỉnh được chăm sóc phụng dưỡng, trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng cho 71.433 đối tượng, kinh phí thực hiện hơn 565 tỷ đồng; hỗ trợ gạo cứu đói cho 29.564 hộ, 110.733 khẩu với 1.663,725 tấn gạo.

Công an tỉnh và Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã triển khai hỗ trợ, xây dựng 1.500 căn nhà cho người nghèo trên địa bàn tỉnh để chào mừng kỷ niệm 120 năm Ngày thành lập tỉnh; các hộ dân được hỗ trợ nhà ở rất phấn khởi, vui mừng khi được Đảng, Nhà nước quan tâm, chăm lo hỗ trợ xây dựng nhà, ổn định cuộc sống.

6.5. Về thông tin và truyền thông: Tập trung tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị quan trọng của đất nước của tỉnh trong năm 2024, đặc biệt là kỷ niệm 120 năm Ngày thành lập tỉnh và đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp về lợi ích mang lại của đô thị thông minh, các dịch vụ giám sát điều hành đô thị thông minh. Tình hình hoạt động mạng lưới Bưu chính, Viễn thông ổn định, chất lượng dịch vụ được nâng cao, đáp ứng nhu cầu thông tin của các cơ quan Đảng, nhà nước, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn. Hiện nay có 184/184 xã, phường, thị trấn được kết nối cáp quang đến trung tâm. Tỷ lệ dân số được phủ sóng di động theo công nghệ 4G đạt 99,23 %; số thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt 112,88. Trên địa bàn tỉnh có 09 thôn, buôn và 07 cụm dân cư²⁰ vùng lõm sóng di động.

Dịch vụ công trực tuyến được triển khai ngày càng sâu rộng, hiệu quả. Số thủ tục hành chính đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến 1 phần và toàn trình trên tổng số hồ sơ ước đạt 37% (KH: 40%), Tỷ lệ trả kết quả theo hình thức trực tuyến (số lượng kết quả được trả trực tuyến trên môi trường mạng/Số lượng kết quả giải quyết TTHC) ước đạt 15% (KH: 15%). Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã hoàn thành việc

²⁰ 09 thôn, buôn lõm sóng băng rộng di động: Thôn Ea Rót, xã Cư Pui, huyện Krông Bông; Buôn Jiê Yuk, xã Đăk Phoi, huyện Lắk; Thôn 14, xã Ea Lê, huyện Ea Súp; Buôn Dang, xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo; Thôn 7B, xã Ea Wy, huyện Ea H'leo; Thôn 9, xã Ea Ngai, huyện Krông Búk; Thôn Cư Tê, xã Cư Pui, huyện Krông Bông; Buôn Sa Bòk, xã Ea R'Bin, huyện Lắk; Buôn Lach Ló, xã Nam Ka, huyện Lắk.

07 cụm dân cư lõm sóng băng rộng di động: Cụm dân cư số 1, buôn Briêng B, xã Ea Nam, huyện Ea H'leo; Cụm dân cư số 2, buôn Kri, xã Ea Sol, huyện Ea H'leo; Cụm dân cư số 3, thôn Cư Klông, xã Cư Klông, huyện Krông Năng; Cụm dân cư số 4, thôn 22, xã Cư Bông, huyện Ea Kar; Cụm dân cư số 5, buôn Ea Sar, xã Ea Sar, huyện Ea Kar; Cụm dân cư số 6, buôn Ea Puk, xã Ea Sô, huyện Ea Kar; Cụm dân cư số 7, thôn 6B, xã Cư Elang, huyện Ea Kar.

tích hợp, kết nối với 13 cơ sở dữ liệu²¹, phần mềm chuyên ngành.

Công tác phát triển kinh tế số, xã hội số được quan tâm chú trọng thực hiện, đạt được nhiều kết quả tích cực. Đến nay, tỉnh Đắk Lắk có 1.715 sản phẩm trên sàn thương mại điện tử; có 42.933 giao dịch trên sàn thương mại điện tử, đứng thứ 5 toàn quốc; số hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số là 259.652 hộ, đạt 43%. Người dân, doanh nghiệp đã bước đầu sử dụng rộng rãi các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, nộp thuế điện tử, thực hiện khám chữa bệnh bằng thẻ Căn cước công dân gắn chip thay thế thẻ Bảo hiểm y tế hoặc qua ứng dụng VNEID²², sử dụng tài khoản Định danh điện tử mức độ 2 khi làm một số TTHC, đi máy bay. Đến tháng 10/2024, toàn tỉnh đã thu nhận được 512.166 hồ sơ cấp Căn cước, trong đó có 88% là công dân dưới 14 tuổi; đã triển khai thanh toán chi phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt tại tất cả các bệnh viện (21/21) và TTYT tuyến huyện. Tỉnh Đắk Lắk cũng đã triển khai ứng dụng nền tảng công dân số “Đắk Lắk trực tuyến” nhằm cung cấp cho công dân trên địa bàn một cổng ứng dụng tập trung, tích hợp các ứng dụng và tiện ích, tạo điều kiện thuận lợi để công dân khai thác các dịch vụ, thông tin và dữ liệu do chính quyền tỉnh và các đơn vị nhà nước cung cấp.

6.6. Về khoa học và công nghệ (KH&CN):

Công tác quản lý nhà nước về KH&CN được triển khai thực hiện đúng kế hoạch và quy trình. Đã trình HĐND ban hành Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 03/5/2024 của HĐND tỉnh Quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh; triển khai Kế hoạch số 231-KH/TU ngày 26/6/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Các hoạt động nghiên cứu, chuyên gia và ứng dụng các nhiệm vụ KH&CN được triển khai tích cực, trong đó chú trọng hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu, áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; hỗ trợ tra cứu thông tin, hoàn thiện sáng chế; hỗ trợ đổi mới, ứng dụng công nghệ. Trong năm 2024, tiếp tục theo dõi, hướng dẫn và phối hợp quản lý 02 đề tài/dự án cấp quốc gia, 32 đề tài/dự án cấp tỉnh, trong đó đã đánh giá, nghiệm thu 12 đề tài kết quả. Bên cạnh đó, tập trung triển khai hoạt động hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa, kiểm định phương tiện đo các loại.

6.7. Công tác dân tộc:

Công tác dân tộc tiếp tục được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban ngành, địa phương; sự cố gắng

²¹ (1) Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; (2) Cơ sở dữ liệu của Cổng Dịch vụ công quốc gia; (3) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; (4) Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; (5) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; (6) Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; (7) Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số; (8) Kết nối hệ thống quản lý đất đai VBDLIS; (9) Kết nối cổng dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia; (10) Kết nối hệ thống Dịch vụ công lĩnh vực Vận tải đường bộ; (11) Kết nối hệ thống Dịch vụ công Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; (12) Kết nối hệ thống Dịch vụ công Bộ Tài nguyên và Môi trường; (13) Kết nối, chia sẻ dữ liệu với phần mềm dịch vụ công liên thông theo hướng dẫn của Bộ Công an.

²² Số lượng cơ sở khám chữa bệnh đã sử dụng Căn cước công dân để tra cứu khám chữa bệnh BHYT: 226/226 đạt tỷ lệ 100%

nỗ lực của cả hệ thống cơ quan công tác dân tộc, điều này đã góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khối đại đoàn kết các dân tộc ngày càng được tăng cường, đồng bào các dân tộc tin tưởng và chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Tổ chức thành công Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp huyện và cấp tỉnh lần thứ IV năm 2024. Công tác tham mưu triển khai thực hiện Chương trình MTQG 1719 được tập trung thực hiện để người dân được thụ hưởng chính sách kịp thời, nhiều công trình, dự án đã phát huy hiệu quả tích cực, góp phần nâng cao đời sống đồng bào DTTS trên địa bàn²³.

7. Lĩnh vực nội chính

7.1. Công tác nội vụ, tôn giáo:

a) *Về nội vụ:* Tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công tác tổ chức bộ máy, biên chế, đào tạo, bồi dưỡng và các chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định; việc điều động, sắp xếp cán bộ đảm bảo đúng quy trình và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về công tác tổ chức cán bộ; công tác khen thưởng các tập thể, cá nhân được thực hiện kịp thời. Công tác xây dựng chính quyền, quản lý địa giới hành chính và công tác thanh niên được thực hiện theo đúng quy định.

Từ đầu năm đến nay, UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; tiếp nhận và bổ nhiệm; kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; điều động và bổ nhiệm 33 trường hợp. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định tiếp nhận, quyết định điều động, thỏa thuận điều động, thỏa thuận chuyển công tác 136 trường hợp; quyết định cho công chức thôi việc đối với 01 trường hợp; cho ý kiến tiếp nhận vào làm công chức, viên chức để bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với 21 trường hợp. Tổ chức kỳ tiếp nhận vào làm công chức với 70 thí sinh trúng tuyển; thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách²⁴ theo quy định.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được tập trung thực hiện. Đến nay, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết sắp xếp đơn vị hành

²³ Kế hoạch phân bổ vốn năm 2024 là: 1.714 tỷ đồng (vốn ĐTPT: 929 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 785 tỷ đồng), trong đó: vốn chuyên nguồn năm 2022 và 2023 sang năm 2024 là 724 tỷ đồng (vốn ĐTPT: 269 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 455 tỷ đồng); vốn năm 2024 là: 989.815 triệu đồng (vốn ĐTPT: 659 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 330 tỷ đồng). Kết quả giải ngân (số liệu lũy kế đến ngày 30/9/2024) là 1.362 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 52,2% kế hoạch (trong đó: NSTW 1.228 tỷ đồng, đạt 51,9% kế hoạch; NST 133 tỷ đồng, đạt 55,1% kế hoạch), trong đó giải ngân vốn năm 2024 là 478 tỷ đồng (NSTW 453 tỷ đồng, NST 24 tỷ đồng). Nguồn vốn tín dụng: Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã huy động thu hồi vốn quay vòng từ những năm trước để thực hiện cho vay theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ được 870 triệu đồng với 10 lượt khách hàng.

²⁴ UBND tỉnh quyết định nâng bậc lương thường xuyên và trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng lương trước thời hạn cho người có thông báo nghỉ hưu 76 trường hợp; quyết định nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo đối với viên chức 05 trường hợp; quyết định nâng phụ cấp thâm niên nghề thanh tra 03 trường hợp; quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương công chức 02 trường hợp; quyết định chuyển xếp lương đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước 04 trường hợp; quyết định chuyển ngạch và bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên, thanh tra viên chính 31 trường hợp; quyết định nâng ngạch và bổ nhiệm ngạch thanh tra viên chính 01 trường hợp; quyết định miễn nhiệm ngạch Thanh tra viên, Thanh tra viên chính 06 trường hợp; quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức 04 trường hợp; quyết định chuyển chức danh nghề nghiệp 01 trường hợp; quyết định cán bộ, công chức nghỉ hưu theo chế độ bảo hiểm xã hội 09 trường hợp;... Giám đốc Sở Nội vụ quyết định chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch công chức 134 trường hợp; thỏa thuận bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức 164 trường hợp; thỏa thuận nâng bậc lương trước thời hạn, nâng lương trước thời hạn cho người có thông báo nghỉ hưu 537 trường hợp.

chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2023 - 2025²⁵. Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về Phương án mở rộng địa giới hành chính thành phố Buôn Ma Thuột.

b) Về tôn giáo: Đã giải quyết kịp thời các nhu cầu sinh hoạt tôn giáo chính đáng theo đúng quy định của pháp luật; tình hình sinh hoạt, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định.

7.2. Công tác tư pháp: Các nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp và các kế hoạch chuyên đề trong các lĩnh vực công tác tư pháp năm 2024 được triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, bước đầu đã đạt nhiều kết quả tích cực. Từ đầu năm đến nay, UBND tỉnh đã ban hành 46 quyết định QPPL và trình HĐND tỉnh ban hành 15 nghị quyết QPPL theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính khả thi, thống nhất với hệ thống pháp luật và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; kịp thời cụ thể hóa nội dung giao quy định chi tiết trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên; đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương và bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân. Sở Tư pháp đã thẩm định 78 dự thảo văn bản QPPL của UBND, HĐND tỉnh; tự kiểm tra đối với 48 văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành; kiểm tra theo thẩm quyền đối với 27 văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện. Cập nhật 58 văn bản trên cơ sở dữ liệu văn bản QPPL.

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản đã tổ chức 506 cuộc đấu giá với tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 607,7 tỷ đồng; giá bán: 669,4 tỷ đồng (chênh lệch 61,7 tỷ đồng so với giá khởi điểm); 03 phòng công chứng (thuộc Sở Tư pháp) đã công chứng 10.062 trường hợp, thu phí khoảng 3,7 tỷ đồng; chứng thực bản sao từ bản chính 23.687 trường hợp, thu phí 115 triệu đồng; đã cấp 12.964 Phiếu LLTP (giảm 617 phiếu so với cùng kỳ năm 2023). Bên cạnh đó, ngành Tư pháp đã tích cực phổ biến, giáo dục pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; duy trì việc phát hành Bản tin tư pháp hàng tháng (đã phát hành 31.500 cuốn Bản tin Tư pháp) và cập nhật thường xuyên tin, bài trên Trang thông tin điện tử của Sở,...

7.3. Công tác thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại tố cáo:

Ngành Thanh tra tỉnh đẩy nhanh tiến độ các cuộc thanh tra theo Kế hoạch của UBND tỉnh, nhất là các cuộc thanh tra có ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thanh tra Chính phủ. Tham mưu kịp thời, đúng quy định về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đẩy mạnh các hoạt động về công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh. Đôn đốc các đơn vị thực hiện đầy đủ, kịp thời các nội dung sau kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật²⁶.

8. Về cải cách hành chính

²⁵ Nghị quyết số 1193/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024.

²⁶ Tính đến tháng 9/2024, Các cấp, các ngành trong tỉnh đã triển khai 259 cuộc thanh tra; trong đó: 149 cuộc thanh tra hành chính (16 cuộc kỳ trước chuyển sang và 133 cuộc triển khai mới trong kỳ) và 110 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện sai phạm về kinh tế với tổng số tiền 17.136 triệu đồng (11.729 triệu đồng qua thanh tra hành chính, 5.407 triệu đồng qua thanh tra chuyên ngành); kiến nghị thu hồi nộp NSNN 9.838 triệu đồng (8.156 triệu đồng qua thanh tra hành chính và 1.682 triệu đồng qua thanh tra chuyên ngành), kiến nghị xử lý khác 7.298 triệu đồng (3.573 triệu đồng qua thanh tra hành chính, 3.725 triệu đồng qua thanh tra chuyên ngành), kiến nghị xử lý khác 10.975 m² đất các loại và kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính 3.125 triệu đồng; đã thu hồi nộp NSNN 10.078 triệu đồng (Thanh tra hành chính 4.970 triệu đồng; Thanh tra chuyên ngành 5.108 triệu đồng), đã xử lý 10.975 m² đất các loại.

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2024 và thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh thực hiện CCHC với chủ đề “*tập trung nguồn lực thực hiện CCHC nhà nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ*”; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC nhằm nâng cao sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh. Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC được chú trọng. Đến nay, các sở, ban, ngành đã tổ chức nhiều cuộc thi, hội thi tìm hiểu về cải cách hành chính, chuyển đổi số, cụ thể: Công đoàn viên chức tỉnh và Sở Nội vụ phối hợp tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu về Công tác cải cách hành chính và Văn hóa công sở năm 2024”; Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức cuộc thi tìm hiểu về chuyển đổi số...; tiếp tục duy trì thực hiện Chương trình “Dân hỏi - Thủ trưởng cơ quan hành chính trả lời” trên báo, đài; tiếp tục duy trì các cụm pa-nô tuyên truyền CCHC.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã tích cực chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp chặt chẽ với Công an tỉnh tổ chức triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ của Đề án 06; đã huy động được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, người dân, doanh nghiệp nhằm triển khai quyết liệt các nhiệm vụ được giao tại Đề án này đúng thời hạn với chất lượng cao nhất; việc triển khai Đề án 06 đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDLQG về dân cư với các CSDL chuyên ngành để triển khai các dịch vụ công thiết yếu liên quan đến người dân trên môi trường điện tử, làm giàu CSDLQG về dân cư và các CSDL liên quan, bước đầu phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước và giải quyết TTHC cho người dân, DN.

CCHC đạt được những kết quả tích cực, kết quả Chỉ số CCHC năm 2023 của tỉnh đạt 87,33 điểm, xếp vị thứ 28/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tăng 2,86 điểm, cải thiện 10 bậc so với năm 2022, đứng đầu các tỉnh Tây Nguyên. Qua đó đã góp phần đưa Đắk Lắk dần trở thành điểm đầu tư hấp dẫn của nhiều tập đoàn, nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước, tạo cơ hội, thời cơ mới để phát triển kinh tế - xã hội. Kết quả Chỉ số SIPAS năm 2023 của tỉnh Đắk Lắk đạt 81,49%, xếp vị thứ 39/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tăng 1,02%, giảm 12 bậc so với năm 2022. Chỉ số PAPI năm 2023 của tỉnh Đắk Lắk đạt 42,32 điểm, xếp vị thứ 31/61/63 tỉnh, thành phố; tăng 1,2 điểm và tăng 10 bậc so với năm 2022, đứng đầu khu vực Tây Nguyên. Đây là kết quả tốt nhất của tỉnh từ năm 2012 đến nay.

9. Về quốc phòng, an ninh

Cấp ủy, chính quyền và lực lượng vũ trang các cấp trong tỉnh đã chủ động nắm tình hình, phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các đối tượng phản động, chống đối. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Tổ chức Lễ giao, nhận quân năm 2024 đảm bảo đúng kế hoạch, an toàn, với 3.026 chỉ tiêu, đạt 100% KH năm 2024 đề ra; sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 21/2019/NĐ-CP ngày 22/02/2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ. Tổ chức diễn tập phòng thủ dân sự huyện Lắk năm 2024 đúng kế hoạch.

Các lực lượng vũ trang duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu; thường xuyên tuần tra, bám sát địa bàn, nhất là tuyến biên giới và các địa bàn trọng điểm về

an ninh, trật tự; triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn cho các đoàn công tác của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các sự kiện chính trị quan trọng diễn ra trên địa bàn tỉnh. Công tác quản lý nhà nước về trật tự, an toàn xã hội, nhất là thực hiện Đề án số 06 của Chính phủ được triển khai quyết liệt. Điều tra, khám phá 734/812 vụ phạm tội về trật tự xã hội, đạt tỷ lệ 90,39% (KH năm 2024: trên 85%), trong đó án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng điều tra làm rõ 119/124 vụ, đạt tỷ lệ 95,97% (KH năm 2024: 90%). Tai nạn giao thông giảm trên cả 03 tiêu chí so với cùng kỳ năm 2023: xảy ra 351 vụ, làm chết 230 người, bị thương 241 người (giảm 28 vụ = 7,39%; giảm 01 người chết = 0,43%; giảm 02 người bị thương = 0,82%).

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm cơ bản

Cùng với nhiều địa phương trên cả nước, tỉnh Đắk Lắk bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục duy trì phát triển. Tốc độ tăng trưởng mặc dù chưa đạt kỳ vọng và kịch bản đầu năm đề ra, tuy nhiên quy mô nền kinh tế tiếp tục duy trì đà phát triển tốt, đến hết năm 2024, quy mô nền kinh tế GRDP giá hiện hành của tỉnh ước đạt **145.366 tỷ đồng, tăng 19,53%** so với năm 2023, bằng 108,74% KH (đứng đầu khu vực Tây Nguyên), gấp 1,67 lần năm 2020. Các khu vực đều có tăng trưởng so với cùng kỳ.

Sản xuất vụ Đông Xuân 2023 - 2024 vượt kế hoạch đề ra (diện tích gieo trồng đạt 69.171ha, vượt 20% KH; Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 394.423 tấn, tăng 21,67% so với KH năm 2024 - tăng 18.737 tấn, tương ứng tăng 4,99% so với vụ Đông xuân năm trước); sản lượng các sản phẩm công nghiệp chủ yếu, huy động vốn đầu tư toàn xã hội, tổng mức bán lẻ hàng hóa, kim ngạch xuất nhập khẩu tiếp tục tăng so với năm 2023. Dịch bệnh trên người, cây trồng, vật nuôi được kiểm soát, cơ bản ổn định. Nhiều sự kiện văn hóa, lễ hội, thể thao diễn ra sôi nổi, đặc biệt là tỉnh đã tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm 120 năm Ngày thành lập tỉnh Đắk Lắk, tổ chức thành công giải Giải Bóng chuyền nữ quốc tế “VTV9 - Bình Điền” lần thứ XIV - 2024, Lễ hội Sầu riêng Krông Pắc lần thứ 2 - năm 2024,... góp phần đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh Đắk Lắk và thu hút khách du lịch đến tỉnh. Công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế tiếp tục phát triển, hội nhập quốc tế ngày càng mở rộng trên một số lĩnh vực, tỉnh đã tổ chức thành công Hội nghị Doanh nghiệp và Đầu tư giữa Ấn Độ với các tỉnh Tây Nguyên. Công tác an sinh xã hội, chăm sóc người có công, giảm nghèo, thực hiện chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát tiếp tục được quan tâm, triển khai kịp thời. Quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường và cải cách hành chính được tích cực thực hiện. Quốc phòng được tăng cường; chủ quyền, lãnh thổ, an ninh biên giới được giữ vững.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh kết quả đạt được như trên, tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh năm 2024 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

Phát triển kinh tế chưa bền vững, tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP chưa đạt kế hoạch đề ra; các khu vực mặc dù có tăng trưởng nhưng nhìn chung còn thấp, tốc độ chuyển dịch kinh tế còn chậm, trong từng ngành, lĩnh vực chưa có đột phá, chưa

có nhiều sản phẩm mới. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội không đạt kế hoạch đề ra. Hoạt động doanh nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn, số lượng doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng kinh doanh tiếp tục tăng so với cùng kỳ. Công tác giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ hộ nghèo còn cao so với cả nước. Giải ngân vốn đầu tư công tuy có cải thiện về mặt tỷ lệ và số vốn giải ngân so với các năm trước; tuy nhiên quá trình thực hiện còn thể hiện nhiều tồn tại, hạn chế, một số công trình, dự án trọng điểm chậm triển khai, đưa vào sử dụng; thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh đạt thấp đã ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư bằng ngân sách tỉnh, phải thực hiện điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương. Thu hút đầu tư chưa có đột phá, còn 4 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra, 01 chỉ tiêu thành phần đạt thấp²⁷.

Công tác triển khai nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu (thành phố Buôn Ma Thuột) được các địa phương triển khai còn chậm, kéo dài, ảnh hưởng đến kết quả thực hiện chỉ tiêu, công tác đầu tư và tổ chức thực hiện các chủ trương lớn của tỉnh. Công tác rà soát, điều chỉnh, lập mới quy hoạch xây dựng nông thôn giai đoạn 2021-2035 tại một số địa phương triển khai chậm, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý.

Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su) mặc dù có tăng nhưng không đủ bù đắp lại diện tích rừng đã giảm trong những năm trước đó (khoảng 1,67%). Chỉ tiêu nhựa hóa hoặc bê tông hóa đường tỉnh đến nay còn thấp, dự kiến không đạt mục tiêu đến năm 2025 đạt 100% theo Nghị quyết của tỉnh đề ra. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị còn hạn chế, gây khó khăn trong việc khai thác và sử dụng dữ liệu.

Những hạn chế, tồn tại nêu trên có nguyên nhân khách quan là tình hình kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục biến động phức tạp, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng, chuỗi cung ứng doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn, tác động lớn tới quyết định đầu tư của doanh nghiệp. Niềm tin vào thị trường của nhà đầu tư, doanh nghiệp suy giảm, tâm lý xã hội thiếu ổn định.

Đối với ngành công nghiệp, do ảnh hưởng từ hiện tượng El Nino, trữ lượng nước tại các hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh xuống thấp nên các nhà máy thủy điện giảm công suất hoạt động; sản lượng luyện cán thép của tỉnh chưa đạt kế hoạch đề ra do nhu cầu của thị trường thấp; việc các dự án công nghiệp đang đầu tư dở dang và một số dự án đã hoàn thành nhưng chưa đưa vào hoạt động đã ảnh hưởng đến tăng trưởng của ngành. Đối với ngành xây dựng, thị trường bất động sản vẫn còn khó khăn, giá nguyên vật liệu xây dựng có thời điểm tăng cao ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng của các doanh nghiệp. Hầu hết DN của tỉnh có quy mô nhỏ, tiềm lực hạn chế, nên việc phục hồi, phát triển còn nhiều khó khăn, nhất là đối với những DN hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ, ảnh hưởng đến tăng trưởng của ngành dịch vụ.

Một số dự án lớn có thu tiền sử dụng đất thực hiện các thủ tục đấu giá, đấu

²⁷ 04 chỉ tiêu không đạt kế hoạch, gồm: (1) Giá trị tổng sản phẩm (GRDP), (2) Huy động vốn đầu tư toàn xã hội, (3) Phát triển doanh nghiệp, (4) Xây dựng nông thôn mới.

- 01 chỉ tiêu cơ bản đạt kế hoạch, nhưng trong đó có chỉ số thành phần đạt thấp đó là: Chỉ tiêu số 14 (về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu) có nội dung: Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su) thấp hơn kế hoạch đề ra (đến cuối năm 2024 đạt 38,1% (KH: 39,24%).

thầu cần rất nhiều thời gian; các quy định của pháp luật liên quan đến công tác bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất gặp nhiều khó khăn, vướng mắc; hạ tầng kỹ thuật tại một số dự án khu dân cư chưa được hoàn thiện nên chưa đủ điều kiện tổ chức đấu giá.

Về mặt thể chế, một số văn bản pháp luật lĩnh vực tài nguyên môi trường có sự thay đổi, văn bản hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật của Bộ, ngành còn chậm ban hành, đã gây lúng túng cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện và khó khăn trong quá trình giải quyết thủ tục đầu tư. Bên cạnh đó, hiện nay, tình còn quỹ đất từ các nông lâm trường chuyển giao về cho các địa phương quản lý, là điều kiện thu hút các dự án phát triển nông lâm nghiệp, tuy nhiên việc triển khai các thủ tục liên quan còn phức tạp, kéo dài đã ảnh hưởng đến kết quả thu hút đầu tư, huy động vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Đối với chỉ tiêu tỷ lệ che phủ rừng: do cập nhật lại sai lệch trạng thái giữa hồ sơ và thực địa; giảm do rừng bị phá, lấn chiếm đã được lập hồ sơ xử lý qua các năm và một số diện tích chuyên mục đích sử dụng để xây dựng các công trình, dự án trọng điểm về phát triển KTXH, an ninh quốc phòng (như dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, dự án hồ chứa nước Krông Pách Thượng, dự án đường Trường Sơn Đông,...).

Đối với chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới: Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 có nhiều chỉ tiêu tăng thêm và yêu cầu cao hơn, trong khi địa bàn rộng, dân cư ở phân tán, các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới đều là những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, để được công nhận đạt chuẩn NTM trong giai đoạn 2021 - 2025 là rất khó thực hiện.

Bên cạnh một số nguyên nhân khách quan chủ yếu do tác động từ bên ngoài như trên thì còn có nguyên nhân chủ quan như: Việc nắm bắt và dự báo tình hình chưa sát; việc xây dựng kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025 còn cao so với tình hình thực tế do xây dựng tại thời điểm chưa có dịch COVID-19 xảy ra; phản ứng chính sách của một số cơ quan, địa phương còn chậm, chưa kịp thời, chưa tận dụng hết các cơ hội phục hồi và phát triển từ bên trong và bên ngoài. Việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc pháp lý, nhất là những vấn đề phát sinh mới trong một số trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; có lúc, có nơi còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, ngại khó. Công tác phối hợp giữa các Sở, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị có lúc, có nơi chưa đồng bộ, chặt chẽ. Một số thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, phức tạp. Tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm, sợ sai trong một số trường hợp chưa được khắc phục hiệu quả.

Phần II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH NĂM 2025

A. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Kinh tế thế giới được dự báo có thể có những chuyển biến tích cực hơn; lạm phát dần được kiểm soát; các nền kinh tế lớn có xu hướng giảm lãi suất rõ nét hơn để

hỗ trợ tăng trưởng. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, trong đó có Đông Nam Á, tiếp tục là động lực tăng trưởng toàn cầu. Đà phục hồi ở các nền kinh tế châu Á, gắn với các FTA, có thể tạo thêm động lực để giữ chân nhà đầu tư nước ngoài, và thu hút thêm nhà đầu tư mới. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo (AI), chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, năng lượng tái tạo... ngày càng phát triển mạnh mẽ, diễn biến rất nhanh, đột phá, ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh và là động lực quan trọng cho tăng trưởng, chuyển đổi cơ cấu kinh tế của các quốc gia.

Trong nước, năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối thực hiện kế hoạch 5 năm, năm tập trung tổ chức Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc của Đảng và phải củng cố, chuẩn bị tốt các yếu tố nền tảng để thúc đẩy tăng trưởng, phát triển KTXH giai đoạn 2026-2030. Tăng trưởng kinh tế dự báo tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực; nhiều công trình, dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm, nhất là các tuyến đường cao tốc, liên vùng được đưa vào khai thác, mở ra không gian phát triển mới cho các ngành, lĩnh vực, các vùng và địa phương; tình hình chính trị - xã hội, kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; vị thế, uy tín của Việt Nam tiếp tục được nâng lên.

Đối với tỉnh Đắk Lắk, trên cơ sở kết quả phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2021-2024, cùng với một số dư địa tăng trưởng như: sản xuất nông nghiệp duy trì ổn định, sản lượng, chất lượng các sản phẩm nông nghiệp tăng cao; các nhà máy chế biến và các nhà máy điện gió, điện mặt trời được đưa vào vận hành; quy mô các mặt hàng xuất khẩu được tăng lên, thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng, nâng cao kim ngạch xuất khẩu; môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng cải thiện, các chính sách và hoạt động hỗ trợ DN tác động tích cực đến sản xuất kinh doanh.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tập trung chỉ đạo triển khai các chính sách, biện pháp phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội; quan tâm giải quyết, tháo gỡ các khó khăn và hỗ trợ nguồn lực để giúp cho tỉnh có thêm điều kiện để phát triển. Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tỉnh (Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023) và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh (Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 18/10/2024) là cơ sở quan trọng để tỉnh định hướng phát triển, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế và thúc đẩy thu hút đầu tư.

Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chính phủ ban hành Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị,... nhằm xây dựng và phát triển Tây Nguyên là vùng phát triển nhanh, bền vững và tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách có tính đột phá; hoàn thiện thể chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng, tiểu vùng; điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách, đặc thù về phát triển vùng Tây Nguyên; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các dự án quan trọng đảm bảo xây dựng và phát triển vùng Tây Nguyên hài hoà giữa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường gắn chặt với quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Bên cạnh Kết luận số 67-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 103/NQ-

CP của Chính phủ về xây dựng, phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 72/2022/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển thành phố Buôn Ma Thuột tạo điều kiện để thành phố Buôn Ma Thuột nói riêng và tỉnh Đắk Lắk nói chung khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của địa phương và bước vào một giai đoạn phát triển mới.

Việc phát huy các nguồn lực trong nhân dân cho đầu tư phát triển được tỉnh quan tâm và xác định là nguồn lực chủ yếu để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

2. Khó khăn

Tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, cạnh tranh chiến lược các nước lớn gay gắt hơn; xung đột Nga - Ukraine, khu vực Trung Đông... còn kéo dài; triển vọng kinh tế toàn cầu và các nền kinh tế lớn dự báo còn nhiều khó khăn; các nước đang phát triển phải ứng phó với xu hướng gia tăng bảo hộ, áp đặt các tiêu chuẩn mới và ảnh hưởng từ sự đối đầu giữa các nước lớn, đòi hỏi phải nâng cao sức cạnh tranh về thị trường, thu hút đầu tư, khoa học công nghệ...

Trong nước, những vấn đề nội tại về doanh nghiệp, sức cạnh tranh, năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực, sự phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào và xuất khẩu đầu ra, rủi ro của các thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp... là những vấn đề đã tích tụ từ lâu, không thể cải thiện trong một sớm, một chiều. Bên cạnh đó, thiên tai, dịch bệnh, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, khó lường hơn.

Quy mô nền kinh tế nhìn chung chưa có nhiều đột phá; khả năng cạnh tranh của nền kinh tế còn hạn chế; công nghiệp chưa phát triển mạnh mẽ, chưa tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng, giá trị cao. Chi phí đầu vào cho sản xuất tăng cao sẽ ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh ảnh hưởng đến thu ngân sách của tỉnh. Chất lượng nguồn nhân lực chưa cao; năng lực tiếp cận nền kinh tế số còn hạn chế.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, trong khi nguồn vốn đầu tư của ngân sách nhà nước vẫn tiếp tục khó khăn, huy động các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách còn hạn chế. Một số công trình trọng điểm chưa đáp ứng yêu cầu tiến độ, chủ yếu do vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội có lúc, có nơi còn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định, nhất là liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo; tình trạng tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến các công ty nông - lâm nghiệp và triển khai các Dự án phát triển kinh tế - xã hội còn diễn biến phức tạp, dễ phát sinh thành “điểm nóng” về an ninh trật tự.

B. MỤC TIÊU, CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tập trung thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh, tạo chuyển biến tích cực hơn trong thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh

tranh của nền kinh tế. Tập trung thực hiện công tác lập quy hoạch, kế hoạch, phương án sử dụng đất làm cơ sở để thu hút đầu tư. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của tỉnh; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế số. Tập trung đầu tư phát triển thành phố Buôn Ma Thuột và đầu tư kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và liên kết vùng, bảo đảm kết nối với khu vực kinh tế trong nước, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng. Chủ động phòng chống dịch bệnh trên người và cây trồng, vật nuôi. Phát triển văn hóa - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới. Nâng cao hiệu quả đối ngoại, hội nhập quốc tế.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2025

Trên cơ sở ước kết quả thực hiện năm 2024 và căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025, tình hình thực tế của địa phương, dự báo những thuận lợi, khó khăn trong năm 2025, tỉnh Đắk Lắk xác định các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2025, như sau:

1. Các chỉ tiêu kinh tế

(1) Tổng sản phẩm xã hội (GRDP - theo giá so sánh năm 2010) phấn đấu đạt 67.545 tỷ đồng, tăng trưởng kinh tế đạt 6,8% so với ước thực hiện năm 2024. Trong đó: Nông, lâm, thủy sản đạt 24.590 tỷ đồng, tăng 4,86%; công nghiệp - xây dựng đạt 11.425 tỷ đồng, tăng 10,68%; dịch vụ đạt 29.030 tỷ đồng, tăng 7,18%; Thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) đạt 2.500 tỷ đồng, tăng 4,62%.

* Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành): Nông, lâm, thủy sản chiếm 42,17%; công nghiệp - xây dựng chiếm 16,92%; dịch vụ chiếm 37,49%; thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) chiếm 3,42%.

(2) GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đạt 81,7 triệu đồng/người.

(3) Huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 42.300 tỷ đồng, tăng 14,36% so với ước thực hiện năm 2024, chiếm 26,4% trong tổng GRDP (giá hiện hành).

(4) Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 1.700 triệu USD, tăng 3% so với ước thực hiện năm 2024.

(5) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn đạt 110.000 tỷ đồng, tăng 4,76% so với ước thực hiện năm 2024.

(6) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 8.700 tỷ đồng, tăng 2,35% so với ước thực hiện năm 2024; trong đó thu biện pháp tài chính (thu tiền đất) khoảng 2.682 tỷ đồng (trong đó: cấp tỉnh thực hiện 960 tỷ đồng, cấp huyện thực hiện 1.520 tỷ đồng).

(7) Phát triển hạ tầng: Thủy lợi bảo đảm tưới chủ động cho 85% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; cải tạo, nâng cấp nhựa hoặc bê tông hóa 97,17% các tuyến

đường tỉnh, 97,29% các tuyến đường huyện, 82,17% các tuyến đường xã và liên xã. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 35%.

(8) Phát triển doanh nghiệp, HTX: Có 1.600 doanh nghiệp và 60 HTX thành lập mới thành lập mới.

2. Các chỉ tiêu xã hội

(9) Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 3% trở lên (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025), tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 3-4%. Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị còn 2,3%.

(10) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế chiếm 56%; tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đạt 65%, trong đó tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ đạt 22,93%. Giải quyết việc làm cho khoảng 30.300 người, trong đó xuất khẩu lao động 2.500 người.

* Số người tham gia bảo hiểm xã hội là 152.832 người, chiếm 15,84% so với lực lượng lao động trong độ tuổi; số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp là 108.671 người, chiếm 11,26% so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

Lý do: Tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 19/5/2022 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội quy định “UBND các cấp tiếp tục căn cứ các tiêu chí, phương pháp xây dựng chỉ tiêu tại Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ để xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tại địa phương và trình HĐND cùng cấp đưa vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hằng năm theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

(11) Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 63%.

(12) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) giảm còn 17,4%. Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã) đạt 29 giường/1 vạn dân; số bác sỹ trên một vạn dân đạt 8 bác sỹ/1 vạn dân. Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 95%.

(13) Phấn đấu đến cuối năm 2025 lũy kế có 90/149 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tương ứng tỷ lệ 60,4%), tăng 09 xã so với năm 2024; 04 đơn vị cấp huyện hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới.

3. Các chỉ tiêu môi trường

(14) Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 40%. Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý đạt 92%. Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch đạt 92,5%. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 97,5%. Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su) đạt 38,1%.

4. Chỉ tiêu cải cách hành chính

(15) Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) phấn đấu tăng 5 bậc so với năm 2024.

5. Chỉ tiêu an ninh quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

(16) Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh. Xây dựng lực

lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, chủ động nắm chắc tình hình và xử lý tốt các tình huống, không để bị động, bất ngờ; tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu. Nâng cao tỷ lệ xử lý tố giác, tin báo về tội phạm; điều tra, khám phá án hình sự đạt tỷ lệ trên 85%, trong đó, án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 90%. Đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội, kiểm giảm tai nạn giao thông so với cùng kỳ.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG NĂM 2025

1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án, Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, của Tỉnh

1.1. Thực hiện quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Trung ương, của tỉnh đề ra trên các lĩnh vực theo các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, phấn đấu hoàn thành mức cao nhất các chỉ tiêu, mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII đề ra. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án, Nghị quyết, Kết luận của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và các chương trình, dự án trọng điểm quốc gia.

1.2. Tập trung triển khai các văn bản chỉ đạo đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng theo Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị, hướng dẫn của Trung ương và Tỉnh ủy.

Tập trung xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 mang tính dài hạn, định hướng phát triển trong thời gian tới bám sát Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các định hướng của Trung ương, của địa phương về xây dựng phát triển kinh tế - xã hội.

1.3. Tập trung triển khai Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 và Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 18/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung rà soát các nội dung Quy hoạch của tỉnh đảm bảo phù hợp với quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu quy hoạch và hướng dẫn các đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh, nhất là điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, đảm bảo tính đồng bộ giữa các loại quy hoạch và tập trung rà soát, hoàn thiện lập phương án sử dụng đất nhận chuyển giao từ các nông, lâm trường đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở cho việc giải quyết chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng đất, đẩy mạnh thu hút đầu tư trên địa bàn, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

Tổ chức khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTgCP ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

1.4. Tiếp tục thực hiện, hoàn thành các nhiệm vụ, đề án, chính sách thực hiện Kết luận số 67-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 103/NQ-CP của Chính phủ về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột theo Nghị quyết số 72/2022/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về

phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Đề án phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên tại Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 8/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ, gắn với thực hiện hiệu quả 3 Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Về phát triển kinh tế

2.1. Tập trung ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Tỉnh để triển khai thực hiện Luật Đất đai năm 2024 và các quy định, chính sách mới có hiệu lực. Bên cạnh đó, thường xuyên phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương rà soát, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và kịp thời cụ thể hóa, ban hành các chính sách của tỉnh đảm bảo phù hợp với chính sách chung của Trung ương, quy định của pháp luật, điều kiện thực tế của tỉnh, đặc biệt là các văn bản quy định về đất đai, bất động sản, tiền tệ, tín dụng, tài sản công, kinh doanh nhà ở, lâm nghiệp, lao động, khoa học công nghệ,... để góp phần nâng cao hiệu quả huy động, sử dụng các nguồn lực cho sản xuất kinh doanh.

2.2. Đẩy mạnh, tạo chuyển biến tích cực hơn trong thực hiện cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; khai thác, tận dụng hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để hình thành các ngành, sản phẩm mũi nhọn, chủ lực, đảm bảo tăng trưởng bền vững. Đẩy mạnh sản xuất, gia tăng giá trị các lĩnh vực còn dư địa tăng trưởng như nông nghiệp, công nghiệp tái tạo (điện gió, điện mặt trời), công nghiệp chế biến... để bù đắp cho các lĩnh vực bị suy giảm trong thời gian qua. Rà soát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2024 và giai đoạn 2021 - 2024, nhất là các chỉ tiêu không đạt hoặc đạt thấp để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc thực hiện hoàn thành kế hoạch; quyết tâm tháo gỡ các “điểm nghẽn, lực cản” để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2025 và những năm tiếp theo.

2.3. Tập trung thực hiện cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, phát triển theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao gắn với tổ chức sản xuất liên kết, theo chuỗi giá trị để nâng cao hiệu quả và giá trị gia tăng. Chuẩn bị đầy đủ phương án và các điều kiện cần thiết để triển khai sản xuất cây trồng, vật nuôi năm 2025 hiệu quả, phù hợp với điều kiện nguồn nước. Chủ động phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu sản phẩm, mã số vùng trồng, sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu. Tập trung triển khai Chương trình chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Làm tốt công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phòng chống cháy rừng, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng; tập trung triển khai hiệu quả “Chương trình đánh giá độ che phủ của cây rừng và các hệ sinh thái cảnh quan nông lâm nghiệp” trên địa bàn tỉnh để nâng độ che phủ trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; phát triển các sản phẩm OCOP, tạo thương hiệu riêng, đặc trưng cho từng địa phương.

2.4. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến chế tạo, trong đó tập trung phát triển công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm nông sản; phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu, nâng cao giá trị sản phẩm công nghiệp trên cơ sở cơ giới hóa, tự động hóa, nâng cao tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa, tạo ra nhiều sản phẩm thương

hiệu quốc gia, có sức cạnh tranh và tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Tiếp tục phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, bảo đảm triển khai và hoàn thành các dự án năng lượng tái tạo đúng tiến độ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII. Tạo điều kiện cho các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án trọng điểm về phát triển công nghiệp; quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng trong các khu, cụm công nghiệp của tỉnh, đặc biệt là đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn, nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước; nâng cao tỷ lệ lấp đầy tại các khu, cụm công nghiệp. Đẩy nhanh tiến độ một số dự án công nghiệp đang triển khai đầu tư để đưa vào hoạt động trong năm 2025.

2.5. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá các sản phẩm của địa phương, mở rộng tiêu thụ nội địa, thị trường xuất khẩu và đẩy mạnh lưu chuyển hàng hóa, nâng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn, tăng giá trị, sản lượng xuất khẩu hàng hóa của tỉnh. Hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử, kinh tế số. Quan tâm hỗ trợ phát triển sản xuất để tạo ra nguồn hàng ổn định, đảm bảo chất lượng, đáp ứng đủ nguồn nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra thị trường, phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại.

2.6. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành dịch vụ theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, năng lực cạnh tranh, ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, bảo đảm phục vụ tốt nhất nhu cầu về hàng hóa và dịch vụ cho sản xuất của Nhân dân và đời sống xã hội. Đẩy mạnh phát triển du lịch theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch của tỉnh; ưu tiên phát triển loại hình du lịch cộng đồng gắn với du lịch nông nghiệp, văn hóa, sinh thái; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, triển khai du lịch thông minh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Bên cạnh đó, chú trọng phát triển hệ thống ngân hàng đáp ứng nhu cầu vốn và dịch vụ cho nền kinh tế.

2.7. Đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là sớm hoàn thành điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Buôn Ma Thuột. Quản lý các quy hoạch theo đúng quy định. Đẩy nhanh triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở theo Chương trình phát triển nhà ở được phê duyệt; thực hiện công tác phát triển dự án nhà ở, khu đô thị mới trên địa bàn tỉnh, ưu tiên các dự án phát triển khu đô thị đồng bộ, hiện đại. Tập trung xây dựng, nâng cấp thị xã Buôn Hồ trở thành đô thị loại III và xây dựng, từng bước đảm bảo điều kiện để huyện Ea Kar trở thành thị xã theo định hướng đã được xác định tại Quy hoạch tỉnh và Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 28/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2.8. Thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2025, phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu ngân sách ở mức cao nhất, trong đó chú trọng đẩy mạnh thu biện pháp tài chính, các dự án bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, các dự án đầu tư thu tiền sử dụng đất để tăng thu tiền sử dụng đất, kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, phấn đấu bù hụt thu tiền sử dụng đất các năm trước, đảm bảo nguồn vốn bố trí cho các dự án đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh để hoàn thành kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện tốt việc cân đối thu - chi NSNN, đảm bảo đầy đủ các khoản chi thực hiện công tác an sinh xã hội, phòng

chống dịch bệnh, thiên tai.

2.9. Tích cực huy động, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh thu hút các dự án ODA, FDI; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ, đặc biệt là hạ tầng giao thông, đô thị, công nghệ thông tin, thương mại... và ưu tiên nguồn lực đầu tư theo hướng lấy thành phố Buôn Ma Thuột là đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên theo Kết luận số 67-KL/TW của Bộ Chính trị. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương, các chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công dự án đường cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột và kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh để bảo đảm dự án đúng tiến độ yêu cầu; tiếp tục củng cố, khôi phục, nâng cấp các công trình giao thông đường bộ hiện có, nâng cao tỷ lệ nhựa hoặc bê tông hoá đường tỉnh, đường huyện, đường xã.

2.10. Phát triển mạnh mẽ các loại hình doanh nghiệp và các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã; hỗ trợ DNNVV chuyên đổi số, khởi nghiệp sáng tạo, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực hệ sinh thái khởi nghiệp của tỉnh, thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn, hiệu quả, khả thi.

2.11. Theo dõi, nắm tình hình hoạt động, kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư. Rà soát tất cả các dự án đầu tư đã hoàn thành nhưng chưa đi vào hoạt động, có giải pháp phù hợp để nhanh chóng đưa dự án vào hoạt động, đưa vốn vào nền kinh tế, đóng góp chung cho tăng trưởng. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo quy định, kịp thời phát hiện các sai sót để chỉ đạo, chấn chỉnh kịp thời, đảm bảo hiệu quả và đúng quy định.

2.12. Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư; tăng cường tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, cơ hội đầu tư, các lợi thế của tỉnh, danh mục các dự án mời gọi đầu tư, chủ động tiếp cận trực tiếp các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính, công nghệ tiên tiến trong và ngoài nước để mời gọi quan tâm đầu tư vào tỉnh. Kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư, triển khai dự án và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

2.13. Sớm triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2025 theo quy định; kịp thời rà soát, điều chỉnh tổng thể kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp với tình hình thực tế, xây dựng kế hoạch 2026 - 2030 sát đúng định hướng phát triển KTXH, Quy hoạch tỉnh, có trọng tâm trọng điểm, thực sự là đòn bẩy là vốn mời cho đầu tư phát triển; chỉ đạo các chủ đầu tư tăng cường chỉ đạo, đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công; sớm hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, các thủ tục đấu thầu, tích cực tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm, các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, tập trung thực hiện và giải ngân các chương trình MTQG theo quy định.

2.14. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế toàn diện với phương châm “*chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả*”; chú trọng thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc tế cấp địa phương đi vào chiều sâu, thực chất, ổn định và bền vững lâu dài; tăng cường hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, đối tác nước ngoài khác theo các định hướng ưu tiên hợp tác của tỉnh đề ra tại Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài của tỉnh giai đoạn 2020 – 2025; kết hợp hiệu quả giữa ngoại giao văn hóa, ngoại giao kinh tế và thông tin đối ngoại, chủ động tích cực phát huy sức mạnh văn hóa, con người, sức mạnh mềm trong công tác đối ngoại để quảng bá hình ảnh, tiềm năng, sản phẩm đặc trưng của tỉnh Đắk Lắk đến cộng đồng quốc tế nhằm tranh thủ mọi nguồn lực và sự ủng hộ của bên ngoài đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển bền vững của tỉnh.

3. Về phát triển văn hóa - xã hội

3.1. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách giảm nghèo, ưu tiên nguồn lực thực hiện chính sách đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững, hạn chế tái nghèo, góp phần nâng cao mức sống của người dân. Quyết liệt chỉ đạo thực hiện hiệu quả các Chương trình MTQG; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn thực hiện Chương trình. Nâng cao chất lượng các tiêu chí và chất lượng thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công, gia đình chính sách, các đối tượng xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân trên địa bàn; đẩy mạnh thực hiện công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát từ nguồn ngân sách nhà nước, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo trên địa bàn. Thực hiện hiệu quả công tác dân tộc trong tình hình mới; chủ động nắm tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đời sống, sản xuất tại vùng đồng bào DTTS trên địa bàn. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

3.2. Tập trung phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; chú trọng giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đảm bảo phù hợp nhu cầu thực tế và giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn; nâng cao năng lực của hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm, mở rộng thị trường và cơ hội việc làm cho lao động đã qua đào tạo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài.

3.3. Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh; duy trì thực hiện tốt chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, chương trình sách giáo khoa mới. Chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý, dạy học và cải cách hành chính. Khuyến khích, đẩy mạnh công tác xã hội hóa và tăng cường tự chủ trong các cơ sở giáo dục, đào tạo; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học các cấp phục vụ dạy và học, kiên cố hóa phòng học, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

3.4. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, giá trị lịch sử, truyền thống dân tộc, nhất là văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số; bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; bảo đảm

an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Thực hiện tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ,... phục vụ nhiệm vụ chính trị và kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh,... từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn.

3.5. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế; thường xuyên củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; chú trọng đào tạo, có cơ chế thu hút, phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng; nâng cao trình độ chuyên môn, trách nhiệm và ý thức của đội ngũ cán bộ y tế; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho y tế; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển y tế ngoài công lập, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và kêu gọi đầu tư, xã hội hóa trong lĩnh vực y tế,... nhằm đảm bảo chỉ tiêu về số giường bệnh/vạn dân, số bác sỹ/vạn dân theo kế hoạch của tỉnh đề ra. Tăng cường cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em; chủ động phòng, chống dịch bệnh, nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh mới phát sinh và các bệnh dịch nguy hiểm khác xảy ra trên địa bàn.

3.6. Tích cực đầu tư phát triển công nghệ thông tin hiện đại, bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin trong hoạt động Bưu chính Viễn thông phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận xã hội. Chuẩn bị, tổ chức thành công Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 9 - năm 2025; chương trình kỷ niệm 50 năm chiến thắng Buôn Ma Thuột, giải phóng tỉnh Đắk Lắk (10/3/1975 - 10/3/2025),...

4. Về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Quản lý chặt chẽ, có hiệu quả về đất đai, tài nguyên, môi trường; thực hiện lồng ghép các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp. Quan tâm mời gọi các nhà đầu tư các dự án xử lý rác thải, chất thải rắn sinh hoạt tại các huyện, thị xã, thành phố theo quy hoạch. Nâng cao năng lực thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai; chủ động phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

5. Về nội chính, cải cách hành chính (CCHC), phòng chống tham nhũng

Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành chính quyền các cấp; duy trì kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên tất cả các lĩnh vực. Thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, thẩm định văn bản QPPL, đảm bảo văn bản QPPL được ban hành đúng pháp luật, đồng bộ, khả thi. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; khẩn trương thực hiện việc sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo lộ trình đề ra; xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chất lượng cao, đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

Đẩy mạnh CCHC, nhất là cải cách TTHC; cải thiện, nâng cao các chỉ số cải cách hành chính, trong đó chú trọng nâng cao vị trí xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số CCHC (PAR Index). Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, phát triển Chính quyền số; đồng thời, đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 của Chính phủ về Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn

2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của kế hoạch phòng chống tham nhũng, tiêu cực và Kế hoạch thanh tra năm 2025. Triển khai thực hiện nghiêm Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TU ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tập trung khắc phục các tồn tại, hạn chế, vi phạm do Thanh tra Chính phủ, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chỉ ra.

6. Đảm bảo quốc phòng, an ninh

Tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh; thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và sức chiến đấu của lực lượng vũ trang; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc; đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân tinh thực sự chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực hiện tốt công tác quốc phòng, quân sự địa phương; công tác tuyển quân huấn luyện, diễn tập theo chỉ tiêu, kế hoạch.

Chủ động nắm tình hình, nhất là các địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, các vụ tranh chấp khiếu kiện liên quan đến đất đai, hợp đồng nhận khoán, khai thác khoáng sản. Đề cao cảnh giác, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn âm mưu, ý đồ của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo hoạt động phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Kịp thời tham mưu giải quyết các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở, không để hình thành điểm nóng về an ninh trật tự; đẩy mạnh các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh trấn áp tội phạm, kiểm chế tội phạm và các loại tội phạm xã hội; thực hiện quyết liệt các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông và phòng, chống cháy nổ.

Trên đây là kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TX, TP;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH (ĐH.15b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Hà

